

MỤC LỤC

	<u>trang</u>
CHƯƠNG I: ĐIỀU KHOẢN CHUNG	03
Điều 1: Định nghĩa	03
Điều 2: Cổ đông, Cổ Đông Sáng Lập Công ty	04
Điều 3: Tên, địa chỉ, chi nhánh và văn phòng đại diện	05
Điều 4: Mục tiêu và ngành nghề kinh doanh	05
Điều 5: Tư cách pháp lý của Công ty	06
Điều 6: Phạm vi trách nhiệm của Công ty	06
Điều 7: Tổ chức Đảng và các tổ chức chính trị - xã hội:	06
Chương II: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN	06
Điều 8: Vốn Điều lệ	06
Điều 9: Chứng chỉ cổ phiếu	08
Điều 10: Sổ đăng ký Cổ đông	09
Điều 11: Thu hồi cổ phần	09
Điều 12: Mua lại cổ phần theo yêu cầu của Cổ đông	10
Điều 13: Mua lại cổ phần theo quy định của Công ty	11
Điều 14: Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại	11
Điều 15: Chuyển nhượng cổ phần	12
Điều 16: Chào bán cổ phần	13
Điều 17 Phát hành trái phiếu	14
Chương III: QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỔ ĐÔNG	14
Điều 18: Quyền hạn của các Cổ đông phổ thông	14
Điều 19: Nghĩa vụ của các Cổ đông	15
Điều 20: Đại diện theo uỷ quyền	16
Điều 21: Thay thế, thừa kế Cổ đông	17
Chương IV: CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH, KIỂM SOÁT HOẠT ĐỘNG	17
Điều 22: Cơ cấu tổ chức, quản lý của Công ty	17
Điều 23: Đại Hội đồng Cổ đông	17
Điều 24: Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại Hội đồng Cổ đông	19
Điều 25: Triệu tập Đại Hội đồng Cổ đông, chương trình họp và thông báo	20
Điều 26: Điều kiện tiến hành họp Đại Hội đồng Cổ đông	21
Điều 27: Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại Đại Hội đồng Cổ đông	21
Điều 28: Thông qua quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông	23
Điều 29: Thẩm quyền và thủ tục lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông	24
Điều 30: Biên bản họp Đại Hội đồng Cổ đông	25
Điều 31: Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông	25



435
NG
PH
V
VI
T.3

M.S.C
PH

Điều 32: Hội đồng quản trị	26
Điều 33: Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị	28
Điều 34: Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị	28
Điều 35: Chủ tịch, Phó Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị	28
Điều 36: Cuộc họp Hội đồng quản trị	29
Điều 37: Biên bản họp Hội đồng quản trị	30
Điều 38: Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị	31
Điều 39: Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	31
Điều 40: Tổng Giám đốc và Bộ máy giúp việc công ty	31
Điều 41: Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và Phó Tổng giám đốc	33
Điều 42: Ban kiểm soát	34
Điều 43: Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát	35
Điều 44: Thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát	35
Điều 45: Nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát	36
Điều 46: Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Ban kiểm soát	36
Điều 47: Nguyên tắc về quản lý hợp đồng	36
Điều 48: Quản lý lao động	38
Chương V: TÀI SẢN VÀ TÀI CHÍNH	39
Điều 49: Các loại thuế	39
Điều 50: Các vấn đề Kế toán	39
Điều 51: Hoạt động Tài chính và Kế toán	39
Điều 52: Trích lập các quỹ sau thuế	41
Điều 53: Tài sản của Công ty	41
Điều 54: Báo cáo thường niên, trách nhiệm công bố thông tin	42
Chương VI: TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ VÀ THANH LÝ	42
Điều 55: Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi hình thức Công ty	42
Điều 56: Giải thể Công ty	42
Điều 57: Thay lý	43
Chương VII: BẤT KHẢ KHÁNG	43
Điều 58: Bất khả kháng	43
Chương VIII: GIỮ BÍ MẬT	44
Điều 59: Giữ bí mật	44
Chương IX: CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC	45
Điều 60: Sửa đổi	45
Điều 61: Giải quyết tranh chấp	45
Điều 62: Hiệu lực	45

Wleer

Đanh

Đanh

Đanh

Đanh²

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN VÀ DU LỊCH BẢO VIỆT
(Sửa đổi và bổ sung lần 2 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông ngày 26/12/2012)

Căn cứ pháp lý:

- Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005 và các văn bản hướng dẫn thực hiện; Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty niêm yết trên Trung tâm giao dịch chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành tại Quyết định số 15/2007/QĐ-BTC ngày 19/3/2007 và các quy định Pháp luật và văn bản khác có liên quan của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

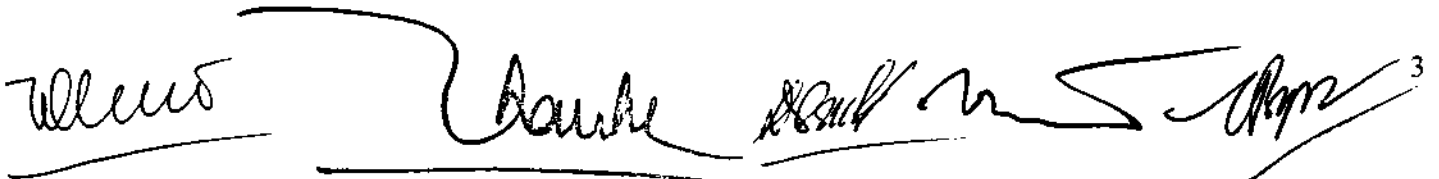
Bản Điều lệ này được sửa đổi bổ sung trên cơ sở Điều lệ gốc của Công ty Cổ phần Khách sạn và Du lịch Bảo Việt được Đại Hội đồng Cổ đông sáng lập thông qua lần đầu ngày 27/07/2005, được Đại Hội đồng Cổ đông Công ty thông qua sửa đổi bổ sung lần 1 tại Nghị quyết số 02/2010/NQ - ĐHĐCĐ ngày 13/09/2010 và sửa đổi, bổ sung lần 2 tại Nghị quyết Đại hội đồng Cổ Đông Công ty năm 2012 ngày 26/12/2012.

CHƯƠNG I: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1: Định nghĩa

Trừ khi ngữ cảnh yêu cầu khác đi, các thuật dưới đây sẽ có nghĩa như sau:

1. "**Đại diện theo Ủy quyền**" có nghĩa là người đại diện được các Cổ đông uỷ quyền bằng văn bản thực hiện các quyền của mình tại Công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2005 và Điều lệ này trong Công Ty;
2. "**Công ty**" có nghĩa là **CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN VÀ DU LỊCH BẢO VIỆT**
3. "**Dự án đầu tư**" có nghĩa là dự án "**KHU DU LỊCH SINH THÁI BẢO VIỆT**".
4. "**Vốn đầu tư**" có nghĩa là tổng vốn đầu tư để thực hiện Dự án đầu tư;
5. "**Vốn Điều lệ**" có nghĩa là vốn ghi trong Điều lệ của Công ty do các Cổ đông cam kết đóng góp như quy định trong Điều lệ này;
6. "**Vốn Vay**" có nghĩa là khoản vốn mà Công ty sẽ đi vay để thực hiện Dự án đầu tư;
7. "**(Các) Phần góp Vốn Điều lệ**" có nghĩa là phần vốn góp của mỗi Cổ đông góp vào Vốn Điều lệ của Công Ty;
8. "**Cổ đông**" có nghĩa là người sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của Công ty;
9. "**Cổ đông sáng lập**" có nghĩa là Cổ đông tham gia xây dựng, thông qua và ký tên vào bản Điều lệ đầu tiên của Công ty;
10. "**Đại Hội đồng Cổ đông**" có nghĩa là Đại Hội đồng Cổ đông của Công ty như quy định trong Điều lệ này;



11. "Hội đồng Quản trị" có nghĩa là Hội đồng Quản trị của Công ty như quy định trong Điều lệ này;
12. "Ban Giám đốc" có nghĩa là Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc của Công ty;
13. "Ngày hiệu lực" có nghĩa là ngày Điều lệ này phát sinh hiệu lực như quy định tại điều 62 dưới đây.
14. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại khoản 17 Điều 4 của luật Doanh nghiệp 2005;
15. "Đồng" có nghĩa là đồng tiền theo luật định của Việt Nam;
16. Các từ hoặc thuật ngữ nào khác sẽ được hiểu và quy định theo Luật Doanh Nghiệp hiện hành.

Điều 2: Cổ đông sáng lập và cổ đông khác của Công ty:

A. Cổ đông sáng lập:

1. TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT (BAOVIET)

Giấy phép thành lập (đăng ký kinh doanh): 0103020065

Cơ quan cấp phép thành lập : Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hà Nội

Địa chỉ đăng ký : Số 8 Lê Thái Tổ - Hoàn Kiếm – Hà nội

Điện thoại: (04) 39 289 999,

Fax: (04) 39 289 609

Email: serice@baoviet.com.vn

Website: www.baoviet.com.vn

2. TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ (HUD) – CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN.

Giấy phép thành lập (đăng ký kinh doanh): 0100106144

Cơ quan cấp phép thành lập : Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hà Nội

Địa chỉ: : Tầng 5 và tầng 6 toà nhà M5, số 91 Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: (04) 37 738 600,

Fax : (04) 37 738 640

Email: hud@hn.vnn.vn

Website: www.hud.com.vn

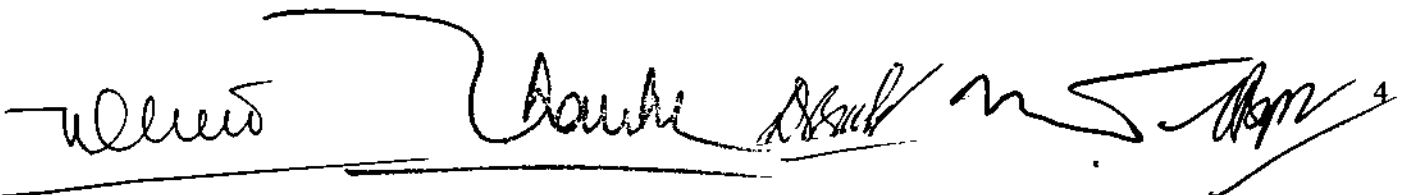
3. NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN SÀI GÒN HÀ NỘI (SHB)

Giấy phép thành lập (đăng ký kinh doanh): 1800278630

Cơ quan cấp phép thành lập: Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hà Nội

Địa chỉ: 77 Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (04) 39 423 388,



Fax: (04) 39 410 944

Email: contact@shb.com.vn, Website: <http://www.shb.com.vn>

B. Cổ đông khác

4. TỔNG CÔNG TY DU LỊCH HÀ NỘI

Giấy phép thành lập (đăng ký kinh doanh): 0106000387

Cơ quan cấp phép thành lập : Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hà Nội

Địa chỉ đăng ký : 18 Lý Thường Kiệt, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (04) 39 726 292

Fax: (04) 39 726 293

Email: bizdevelop@hanoitourist.com.vn Website: hanoitourist.com.vn

Điều 3: Tên, địa chỉ, Chi nhánh và Văn phòng đại diện

1. Tên đăng ký hợp pháp bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN VÀ DU LỊCH BẢO VIỆT**

2. Tên đăng ký hợp pháp bằng tiếng Anh: **BAO VIET HOTEL & TOURISM JOINT STOCK COMPANY**

3. Tên viết tắt: **BẢO VIỆT RESORT**

4. Trụ sở đăng ký của Công ty: Đường 706B, Đồi Cát Bay, Khu phố 5, Phường Mũi Né, Thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận

5. Chi nhánh, Văn phòng đại diện Công ty:

Công ty có thể thành lập (các) Chi nhánh, (các) Văn phòng đại diện nếu cần thiết tại các tỉnh/thành phố trên lãnh thổ đất nước Việt Nam hoặc ở nước ngoài để khuyến khích các hoạt động kinh doanh của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị và phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam và pháp luật nước ngoài sở tại.

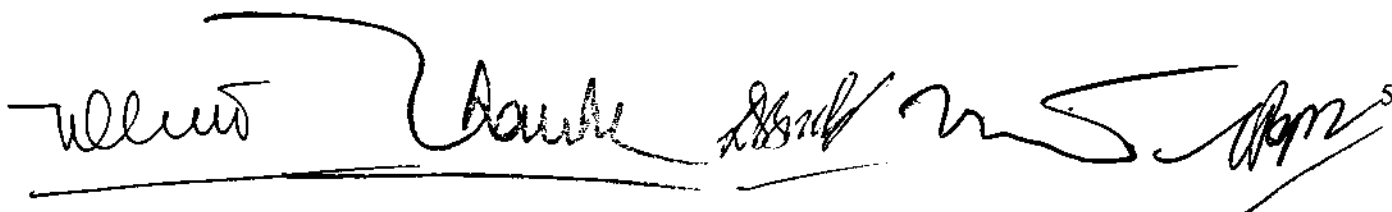
Điều 4: Định hướng hoạt động và ngành, nghề kinh doanh:

1. Định hướng hoạt động:

Đầu tư và kinh doanh trong lĩnh vực khách sạn, du lịch. Trước mắt, trên cơ sở quy hoạch và sự chấp thuận của chính quyền địa phương, Công ty sẽ tiến hành đầu tư xây dựng một khu Resort cao cấp theo tiêu chuẩn quốc tế tại khu vực cạnh Đồi Hồng, Mũi Né, Phan Thiết, Bình Thuận.

2. Ngành, nghề kinh doanh:

Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng, nhà nghỉ cao cấp; Kinh doanh dịch vụ du lịch nội địa và quốc tế, dịch vụ lữ hành; Kinh doanh các dịch vụ: vận chuyển hành khách, dịch vụ tắm quất, xông hơi, vật lý trị liệu, các dịch vụ du lịch trên biển; Dịch vụ tư vấn quản lý dự án trong lĩnh vực du lịch, nhà hàng, khách sạn; Đại lý kinh doanh thương mại, xuất nhập khẩu, trung tâm thương mại; Đầu tư và kinh doanh các công trình xây dựng, hạ tầng, bất động sản.



Ngoài ra, trong quá trình hoạt động Công ty có thể mở rộng ngành nghề kinh doanh đáp ứng các yêu cầu phát triển của Công ty theo quyết định của Hội Đồng Quản Trị trên cơ sở định hướng phát triển của Công ty đã được Đại Hội đồng Cổ đông thông qua.

Điều 5: Tư cách pháp lý của công ty:

1. Công ty là một công ty cổ phần có tư cách pháp nhân độc lập, có con dấu riêng theo quy định Pháp Luật Việt Nam.
2. Tất cả các hoạt động của Công ty phải tuân thủ Pháp Luật Việt Nam.

Điều 6: Phạm vi trách nhiệm của công ty:

1. Công ty chịu trách nhiệm đối với các hoạt động kinh doanh của mình bằng tài sản của mình.
2. Trách nhiệm của mỗi Cổ đông đối với các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty sẽ được giới hạn trong Phần Góp Vốn Điều lệ của Cổ đông đó.

Điều 7: Tổ chức Đảng và các tổ chức chính trị - xã hội:

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật của nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam và theo các quy định của Đảng Cộng sản Việt Nam
2. Tổ chức công đoàn, các tổ chức chính trị - xã hội khác trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp và Pháp luật Việt Nam.

CHƯƠNG II:

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 8: Vốn Điều lệ và cổ phần

I. Vốn Điều lệ:

1. Vào ngày thông qua Điều lệ này, Vốn Điều lệ của Công ty là: 60.000.000.000 VNĐ (Sáu mươi tỷ đồng). Tổng số vốn Điều lệ của công ty được chia thành 6.000.000 (sáu triệu) cổ phần với mệnh giá là 10.000 VNĐ (mười ngàn đồng/01 cổ phần).
2. Vốn Điều lệ của Công Ty được đóng góp theo tỷ lệ và hình thức quy định dưới đây:

TT	Tên Cổ đông	Tỷ lệ %	Số lượng cổ phần phổ thông	Trị giá vốn góp (VNĐ)
1	Tập đoàn Bảo Việt	35	2.100.000	21.000.000.000
2	Tổng công ty đầu tư Phát triển nhà và đô thị	25	1.500.000	15.000.000.000
3	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	10	600.000	6.000.000.000
4	Tổng Công ty du lịch Hà Nội	30	1.800.000	18.000.000.000
	Cộng	100	6.000.000	60.000.000.000









3. Phương thức góp vốn:

a) Đối với Phần Góp Vốn Điều lệ bằng tiền mặt, các Cổ đông phải chuyển tiền góp vốn vào tài khoản tiền gửi do Công ty mở tại ngân hàng để thực hiện việc góp Vốn Điều lệ. Việc góp vốn bằng tiền mặt được coi là đã thực hiện vào ngày mà khoản tiền mặt tương ứng đã được chuyển vào tài khoản của Công Ty tại Ngân hàng.

b) Trong trường hợp Cổ đông góp vốn bằng tài sản khác, thì Cổ đông đó phải làm thủ tục chuyển quyền sở hữu (nếu tài sản phải đăng ký sở hữu) sang cho Công ty. Việc góp vốn bằng tài sản khác được coi là hoàn thành khi Cổ đông góp vốn bằng tài sản khác tiến hành thủ tục bàn giao cho Công ty và các thủ tục chuyển giao quyền sở hữu theo quy định của pháp luật được hoàn thành. Việc bàn giao tài sản phải được lập thành Biên bản với những nội dung chính sau: Tên và địa chỉ trụ sở chính của Công ty; số quyết định thành lập hoặc đăng ký của Cổ đông góp vốn; loại tài sản và số lượng góp vốn; tổng giá trị tài sản góp vốn và tỷ lệ của tổng giá trị tài sản đó trong Vốn Điều lệ của Công ty; ngày giao nhận; chữ ký của đại diện theo pháp luật của Cổ đông góp vốn và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty. Trong trường hợp pháp luật yêu cầu phải đăng ký quyền sở hữu đối với loại tài sản đó thì việc góp vốn được coi là hoàn thành khi Cổ đông góp vốn hoàn thành thủ tục đăng ký quyền sở hữu góp vốn dưới tên Công ty.

c) Việc xác định giá trị tài sản khác không phải là tiền dùng để góp vốn sẽ được các Cổ đông thống nhất trên cơ sở nhất trí. Trong trường hợp các Cổ đông không nhất trí được về giá trị tài sản dùng để góp vốn thì các Cổ đông thống nhất sẽ chỉ định một tổ chức định giá chuyên nghiệp để định giá tài sản đó. Quyết định của tổ chức định giá sẽ là quyết định cuối cùng.

4. Lịch biểu góp vốn Điều lệ :

a) Trong trường hợp Công Ty tăng vốn thì phần vốn góp tăng thêm sẽ được các Cổ đông góp vốn theo lịch biểu mà đã được các Cổ đông thống nhất trong một văn bản góp vốn riêng, nhưng phải đảm bảo tuân thủ theo đúng các quy định của Điều lệ này và các quy định của pháp luật.

b) Trong trường hợp bất kỳ Cổ đông nào không thanh toán đủ số cổ phần đã đăng ký mua theo đúng lịch biểu được nêu tại Điều 8 này thì số cổ phần chưa góp đủ đó của Cổ đông sáng lập được xử lý như theo cách thức được nêu tại Điều 12 dưới đây.

5. Điều chỉnh vốn Điều lệ :

a) Trong trường hợp cần thiết Công Ty có thể tăng Vốn Điều lệ. Việc tăng Vốn Điều lệ này phải được Đại Hội đồng Cổ đông của Công ty chấp thuận và phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm tăng vốn và phải đảm bảo:

- Việc tăng vốn Điều lệ của Công ty phải xuất phát từ nhu cầu thực tế và cần thiết của Công ty;

- Tổng Giám đốc Công ty, tại từng thời điểm, có trách nhiệm trình Hội Đồng Quản Trị sự cần thiết của việc tăng vốn Điều lệ để Hội Đồng Quản Trị thông qua và trình lên Đại Hội đồng Cổ đông chấp thuận.



b) Trong trường hợp cần thiết, Công Ty có thể giảm Vốn Điều lệ, việc giảm Vốn Điều lệ phải được Đại Hội đồng Cổ đông Công ty chấp thuận và phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm giảm vốn.

II. Cổ phần:

1. Vốn Điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần.
2. Tại thời điểm thông qua bản Điều lệ này, Công ty có loại cổ phần phổ thông, Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông gọi là Cổ đông phổ thông.
3. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho Cổ đông sở hữu nó có các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại Hội đồng Cổ đông và phù hợp với các định của pháp luật.

Điều 9: Chứng chỉ cổ phiếu:

1. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty, cổ phiếu có thể ghi danh hoặc vô danh, cổ phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

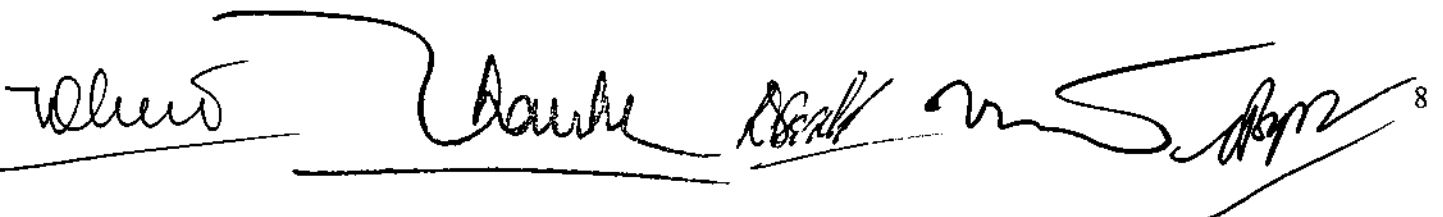
a) Đối với cổ phiếu phổ thông phải có các nội dung sau:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
- Số và ngày cấp Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Kinh Doanh;
- Số lượng cổ phần và loại cổ phần;
- Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;
- Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của Cổ đông là tổ chức đối với cổ phiếu có ghi tên;
- Tóm tắt về thủ tục Chuyển nhượng cổ phần;
- Chữ ký mẫu của Người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty;
- Số đăng ký tại Sở đăng ký Cổ đông của Công ty và ngày phát hành cổ phiếu.

b) Đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi thì ngoài những nội dung như quy định tại khoản 1. mục a của điều 9 trên đây phải quy định rõ về các ưu đãi của loại cổ phần đó.

2. Mọi chứng chỉ cổ phiếu phát hành phải được đóng dấu Công ty và chữ ký của Người đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp.

3. Việc cấp lại chứng chỉ cổ phiếu chỉ được áp dụng đối với các cổ phiếu ghi danh trong những trường hợp sau:



a) Trường hợp chỉ có một số cổ phần ghi danh trong một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh được Chuyển nhượng thì chứng chỉ cũ sẽ bị huỷ bỏ và một chứng chỉ mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí;

b) Trường hợp chứng chỉ cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xoá hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu huỷ, Cổ đông sở hữu có thể yêu cầu được cấp chứng chỉ cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần (theo quy định của pháp luật, theo quy định của Công ty), thanh toán mọi chi phí liên quan và đề nghị của Cổ đông phải có cam đoan về các nội dung sau đây:

- Cổ phiếu thực sự đã bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu huỷ dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì cam đoan thêm rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả Công ty để tiêu huỷ;

- Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

- Đối với cổ phiếu có mệnh giá trên (10.000.000 đồng) mười triệu đồng Việt Nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, người đại diện theo pháp luật của công ty có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đó đăng thông báo trên báo địa phương nơi có trụ sở chính của công ty hoặc nơi mất cổ phiếu (người đăng thông báo tự chịu chi phí về việc đăng thông báo) về việc cổ phiếu bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu huỷ dưới hình thức khác và sau mười lăm ngày, kể từ ngày đăng thông báo, chủ sở hữu cổ phiếu sẽ đề nghị công ty cấp cổ phiếu mới.

4. Đối với cổ phiếu vô danh: Người sở hữu chứng chỉ cổ phiếu vô doanh phải chịu trách nhiệm độc lập về việc bảo quản chứng chỉ và Công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong bất kỳ những trường hợp nào mà những chứng chỉ này bị mất cắp hoặc sử dụng với mục đích lừa đảo.

Điều 10 : Sổ đăng ký Cổ đông

1. Công ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký Cổ đông từ khi được cấp Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Kinh Doanh. Sổ đăng ký Cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này và Sổ đăng ký Cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

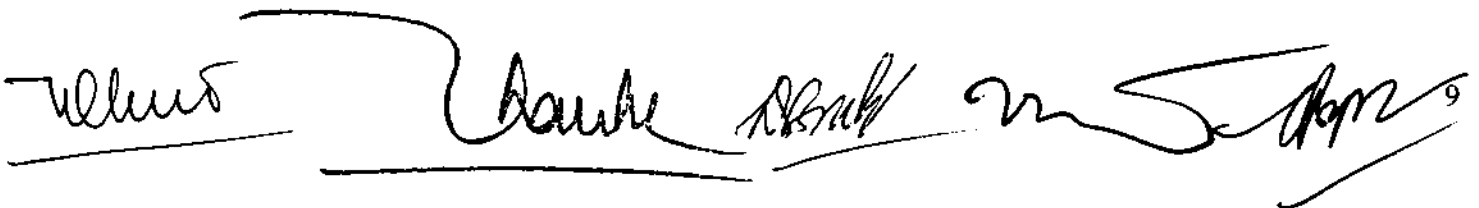
a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của /công ty;

b) Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;

d) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh, địa chỉ đăng ký đối với Cổ đông là tổ chức;

e) Số lượng cổ phần từng loại của mỗi Cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.



2. Sổ đăng ký Cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký Cổ đông trong giờ làm việc của công ty hoặc trung tâm đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán.

Điều 11 : Thu hồi cổ phần

1. Nếu một Cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu thì Hội Đồng Quản Trị có thể gửi thông báo cho Cổ đông đó vào bất kỳ lúc nào để yêu cầu thanh toán số tiền đó cùng với lãi suất có thể được lũy kế trên khoản tiền và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán này gây ra cho Công ty.

2. Thông báo nêu trên phải nêu rõ thời hạn, phương thức thanh toán mới và phải nêu rõ rằng trong trường hợp không thanh toán đúng yêu cầu, cổ phần chưa thanh toán hết đó sẽ bị thu hồi.

3. Nếu các yêu cầu của một thông báo nêu trên không được thực hiện thì Hội Đồng Quản Trị có thể thu hồi mọi cổ phần đã được đề cập trong thông báo vào bất kỳ lúc nào trước khi Cổ đông đó thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan. Việc thu hồi này sẽ bao gồm tất cả cổ tức được công bố đối với cổ phần bị thu hồi mà thực tế chưa được chi trả cho đến thời điểm thu hồi.

4. Cổ phần bị thu hồi sẽ trở thành tài sản của Công ty và có thể được xử lý theo quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông.

5. Cổ đông nắm giữ các cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách Cổ đông đối với những cổ phần đó nhưng vẫn chịu trách nhiệm thanh toán cho Công ty tất cả các khoản tiền có liên quan đến cổ phần đó mà vào thời điểm thu hồi Cổ đông đó phải thanh toán cho Công ty cộng với tiền lãi theo tỷ lệ không quá 1,5 lần lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố từng thời điểm theo quyết định của Hội Đồng Quản Trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội Đồng Quản Trị có toàn quyền quyết định trong việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc giao nộp hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.

6. Khi cổ phần được thu hồi, thông báo về việc thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần trước khi bị thu hồi; nhưng trong mọi trường hợp việc thu hồi sẽ không bị mất hiệu lực vì lý do bỏ sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

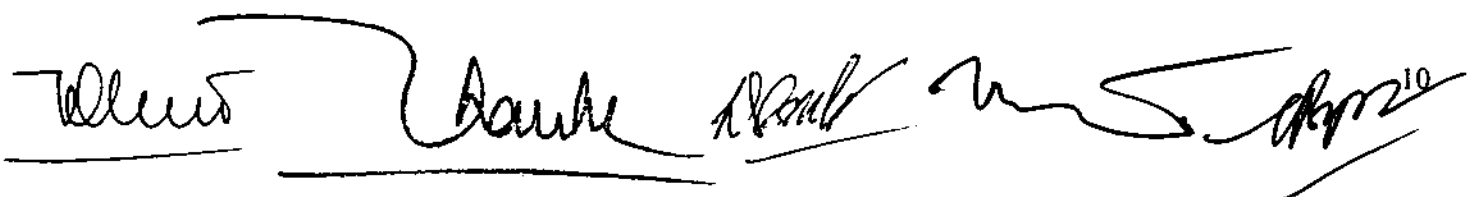
Điều 12 : Mua lại cổ phần theo yêu cầu của Cổ đông

1. Cổ đông có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình nếu Cổ đông đó phản đối quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông về các vấn đề sau đây:

a) Sửa đổi, bổ sung các nội dung trong Điều lệ Công ty liên quan đến quyền và nghĩa vụ của Cổ đông ;

b) Tổ chức lại Công ty;

2. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của Cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến



Công ty trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày Đại Hội đồng Cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề quy định tại mục 1, điều 12 trên đây.

3. Khi có yêu cầu của Cổ đông quy định tại mục 2, điều 12 trên đây, trước hết Công ty và Cổ đông đó sẽ thoả thuận về giá mua lại cổ phần. Công ty phải mua lại số cổ phần này trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu theo giá thoả thuận. Trường hợp không thoả thuận được về giá thì Cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác theo quy định tại Điều 16 dưới đây hoặc Cổ đông và Công ty thoả thuận để chọn một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng. Chi phí trả cho tổ chức định giá sẽ do bên yêu cầu định giá chi trả.

Điều 13 :Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty.

Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã phát hành theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần đã được chào bán trong mỗi mười hai tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại Hội đồng Cổ đông quyết định;

2. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng Cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong công ty. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả Cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để Cổ đông chào bán cổ phần của họ cho công ty.

Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến Công ty trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của Cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của Cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

Điều 14 : Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại

1. Công Ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho Cổ đông theo quy định tại Điều 12 của Điều lệ này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

2. Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 12 của Điều lệ này được coi là cổ phần thu về và thuộc số cổ phần được quyền chào bán.

3. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu huỷ ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị và Tổng Giám



độc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu huỷ hoặc chậm tiêu huỷ cổ phiếu gây ra đối với Công ty.

4. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty giảm hơn 10% thì Công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.

Điều 15 : Chuyển nhượng cổ phần

1. Các cổ phần được tự do Chuyển nhượng, trừ trường hợp quy định tại mục 2, 3 điều 15 dưới đây. Việc Chuyển nhượng được thực hiện bằng văn bản theo cách thông thường hoặc bằng cách trao tay cổ phiếu. Giấy tờ Chuyển nhượng phải được bên Chuyển nhượng và bên nhận Chuyển nhượng hoặc đại diện uỷ quyền của họ ký. Bên Chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan cho đến khi tên của người nhận Chuyển nhượng được đăng ký vào Sổ đăng ký Cổ đông.

Cổ phiếu đã niêm yết phải được Chuyển nhượng thông qua Trung tâm Giao dịch chứng khoán phù hợp với các quy định và quy chế của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Trung tâm giao dịch chứng khoán.

2. Chuyển nhượng cổ phần của các Cổ đông :

a) Trong quá trình hoạt động của Công Ty, bất kỳ Cổ đông nào cũng có quyền tự do Chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần cổ phần của mình trong Công ty nhưng phải đảm bảo tuân theo quy định điểm b, mục 2, điều 15 dưới đây .

b) Thủ tục Chuyển nhượng :

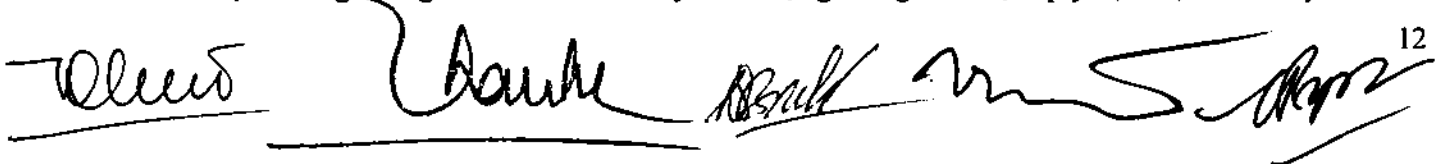
Khi một Cổ đông có ý định Chuyển nhượng một phần hay toàn bộ số cổ phần của mình ("Bên Chuyển nhượng") thì Cổ đông đó sẽ phải thông báo cho các Cổ đông khác trong Công ty khác bằng văn bản về việc Chuyển nhượng ("Thông báo Chuyển nhượng") với các chi tiết về giá Chuyển nhượng ("Giá chào"), số cổ phần dự kiến Chuyển nhượng, các điều kiện, điều khoản Chuyển nhượng. Thủ tục Chuyển nhượng cụ thể được tiến hành như sau:

- Các Cổ đông còn lại sẽ có quyền ưu tiên mua trước toàn bộ hoặc một số cổ phần được Bên Chuyển nhượng chào bán với các điều kiện đã nêu tại Thông báo Chuyển nhượng, trừ trường hợp bên thứ ba là Công ty mẹ của Bên Chuyển nhượng.

- Trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận được Thông báo Chuyển nhượng, các Cổ đông còn lại phải thông báo cho Bên Chuyển nhượng việc có thực hiện quyền ưu tiên mua trước số cổ phần được Bên Chuyển nhượng chào bán hay không.

+ Nếu các Cổ đông còn lại chấp nhận mua lại số cổ phần Chuyển nhượng nhưng không chấp nhận Giá chào ghi tại Thông báo Chuyển nhượng, các Cổ đông đó sẽ thương lượng để thống nhất được Giá chuyển nhượng.

+ Trường hợp các bên không thể thống nhất được Giá Chuyển nhượng, hoặc (các) Cổ đông còn lại thông báo cho Bên Chuyển nhượng quyết định của mình về việc không thực hiện quyền ưu tiên mua hoặc không mua hết số cổ phần mà Bên Chuyển nhượng chào bán hoặc không thông báo cho Bên Chuyển nhượng trong thời hạn quy định tại điều này thì Bên



Chuyển nhượng có quyền tự do Chuyển nhượng cho bất kỳ người thứ ba nào khác với các điều kiện không được thuận lợi hơn như trong Thông báo Chuyển nhượng cho các Cổ đông trong Công ty và đảm bảo rằng bên thứ ba đó sẽ tuân thủ và chịu sự ràng buộc các quy định tại Điều lệ này và các văn bản nội bộ khác của Công ty, cũng như tiếp nhận mọi quyền và nghĩa vụ của Bên Chuyển nhượng (nếu có).

3. Chuyển nhượng cổ phần ưu đãi biểu quyết: Cổ đông Sáng Lập nắm giữ cổ phần ưu đãi biểu quyết không được Chuyển nhượng số cổ phần này cho người khác.

4. Trong trường hợp một Cổ đông bị chết, những người thừa kế hoặc những người quản lý tài sản của người chết sẽ là người hoặc những người duy nhất được Công ty thừa nhận có quyền hoặc hưởng lợi đối với cổ phần, nhưng quy định này không có nghĩa giải tỏa tài sản của Cổ đông đã chết khỏi mọi trách nhiệm gắn liền với bất kỳ cổ phần nào mà người đó nắm giữ.

Điều 16 : Chào bán cổ phần

1. Hội Đồng Quản Trị Quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:

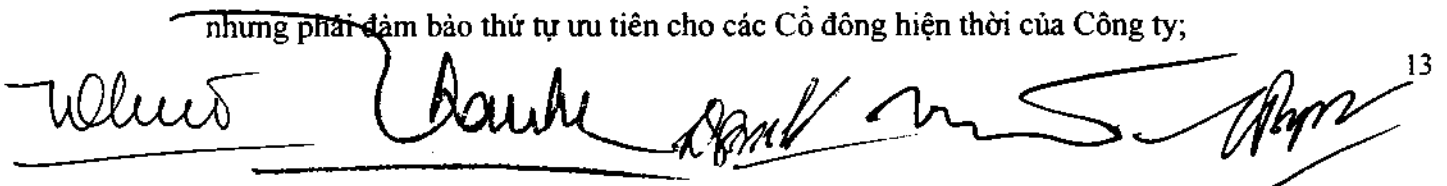
- a) Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là Cổ đông Sáng Lập;
- b) Cổ phần chào bán cho tất cả Cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở Công ty;
- c) Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của số Cổ đông đại diện cho ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phần phổ thông và chào bán số cổ phần đó cho tất cả Cổ đông Phổ Thông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại Công ty thì phải thực hiện theo quy định sau đây:

a) Công ty phải thông báo bằng văn bản đến các Cổ đông theo phương thức bảo đảm đến được địa chỉ nhận thông báo của họ (địa chỉ ghi trong sổ đăng ký Cổ đông). Thông báo phải được đăng báo trong ba số liên tiếp trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày thông báo.

b) Thông báo phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của Cổ đông là tổ chức; số cổ phần và tỷ lệ cổ phần hiện có của Cổ đông tại Công ty; tổng số cổ phần dự kiến phát hành và số cổ phần Cổ đông được quyền mua; giá chào bán cổ phần; thời hạn đăng ký mua; họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty. Thời hạn xác định trong thông báo phải hợp lý đủ để Cổ đông đăng ký mua được cổ phần. Kèm theo thông báo phải có mẫu phiếu đăng ký mua do Công ty phát hành;

c) Cổ đông có quyền chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác, nhưng phải đảm bảo thứ tự ưu tiên cho các Cổ đông hiện thời của Công ty;



d) Nếu phiếu đăng ký mua cổ phần không được gửi về Công ty đúng hạn như thông báo thì Cổ đông có liên quan coi như đã không nhận quyền ưu tiên mua. Trường hợp số lượng cổ phần dự định phát hành không được Cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua đăng ký mua hết thì số cổ phần dự kiến phát hành còn lại sẽ do Hội Đồng Quản Trị quản lý. Hội Đồng Quản Trị có thể phân phối số cổ phần đó cho Cổ đông của Công ty hoặc người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các Cổ đông, trừ trường hợp Đại Hội đồng Cổ đông có chấp thuận khác hoặc cổ phần được bán qua Trung tâm giao dịch chứng khoán.

3. Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua được ghi đúng, ghi đủ vào Sổ đăng ký Cổ đông; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành Cổ đông của Công Ty.

4. Sau khi cổ phần được bán, Công ty phải phát hành và trao cổ phiếu cho người mua. Công ty có thể bán cổ phần mà không trao cổ phiếu. Trong trường hợp này, các thông tin về Cổ đông được ghi vào Sổ đăng ký Cổ đông là đủ để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của Cổ đông đó trong Công ty.

Điều 17 : Phát hành trái phiếu

1. Công ty có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Công ty không được quyền phát hành trái phiếu trong các trường hợp sau đây, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác:

a) Không thanh toán đủ cả gốc và lãi của trái phiếu đã phát hành, không thanh toán hoặc thanh toán không đủ các khoản nợ đến hạn trong 3 năm liên tiếp trước đó;

b) Tỷ suất lợi nhuận sau thuế bình quân của 3 năm liên tiếp trước đó không cao hơn mức lãi suất dự kiến trả cho trái phiếu định phát hành.

Việc phát hành trái phiếu cho các chủ nợ là tổ chức tài chính được lựa chọn không bị hạn chế bởi các quy định tại điểm a và điểm b khoản này.

3. Hội đồng quản trị có quyền quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành nhưng phải báo cáo Đại Hội đồng Cổ đông tại cuộc họp gần nhất. Báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ giải trình quyết định của Hội đồng quản trị về phát hành trái phiếu.

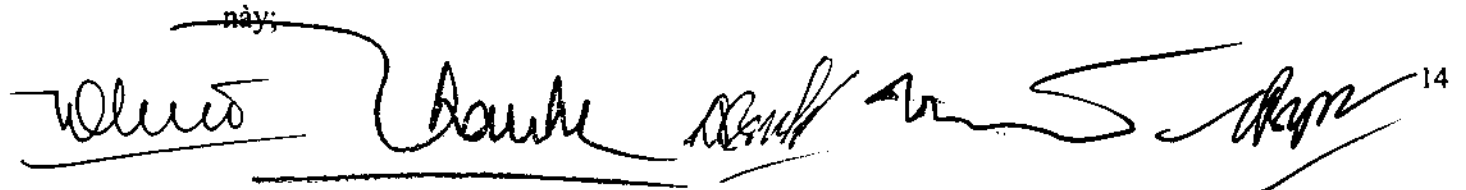
CHƯƠNG III:

QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỔ ĐÔNG:

Điều 18: Quyền hạn của các Cổ đông phổ thông

1. Các Cổ đông Phổ Thông có các quyền sau:

a) Tham dự và phát biểu trong các Đại Hội Cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết trừ những trường hợp Cổ đông đó không được biểu quyết theo các quy định trong Điều lệ này;



- b) Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông;
- c) Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng Cổ đông trong Công ty;
- d) Được tự do Chuyển nhượng cổ phần của mình cho Cổ đông khác và cho người không phải là Cổ đông, trừ trường hợp Chuyển nhượng cổ phần ưu đãi biểu quyết và phải tuân theo thứ tự ưu tiên cho những Cổ đông hiện tại của Công ty như quy định tại Điều lệ này;
- e) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách Cổ đông và có quyền yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
- f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ, Sổ biên bản họp Đại Hội đồng Cổ đông và các nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông;
- g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty;
- h) Khiếu nại hoặc khởi kiện Tổng Giám đốc khi không thực hiện đúng nghĩa vụ, gây thiệt hại đến lợi ích của Cổ đông hoặc Công ty theo quy định của pháp luật;
- i) Đề xuất và kiến nghị với Tổng Giám đốc và Đại Hội đồng Cổ đông các biện pháp quản lý kinh tế, cải tiến kỹ thuật, áp dụng sáng kiến và các tiến bộ khoa học kỹ thuật nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.
- j) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

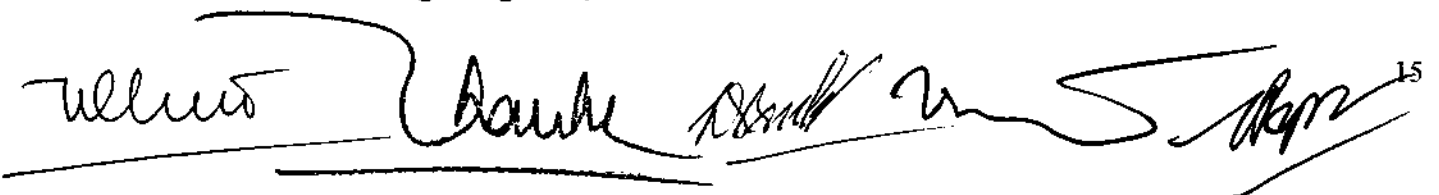
2. Cổ đông hoặc Nhóm Cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau đây:

- a. Đề cử người vào Hội Đồng Quản Trị và Ban kiểm soát;
- b. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát;
- c. Yêu cầu triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông;
- d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng Cổ đông, tổng số cổ phần của cả Nhóm Cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.

3. Cổ đông Ưu Đãi là các Cổ đông nắm giữ một/một số cổ phần ưu đãi và có các quyền, nghĩa vụ tương ứng với cổ phần ưu đãi đó.

Điều 19 : Nghĩa vụ của các Cổ đông phổ thông

Các Cổ đông có nghĩa vụ sau :



Handwritten signatures of five individuals, likely representing the company or its legal representatives, located at the bottom of the page.

1. Thanh toán đủ số cổ phần cam kết mua trong phù hợp với lịch biểu được quy định tại Điều lệ này; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công Ty.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có Cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì thành viên Hội Đồng Quản Trị và Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút.

3. Tuân thủ Điều lệ và Quy chế quản lý nội bộ Công ty.

4. Chấp hành quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị công ty.

5. Cổ đông Phổ Thông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- Vi phạm pháp luật;

- Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

- Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

6. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của bản Điều lệ này và các quy định của pháp luật liên quan.

Điều 20 : Đại diện theo uỷ quyền :

1. Các Cổ đông có quyền tham dự Đại Hội đồng Cổ đông theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc uỷ quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo uỷ quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.

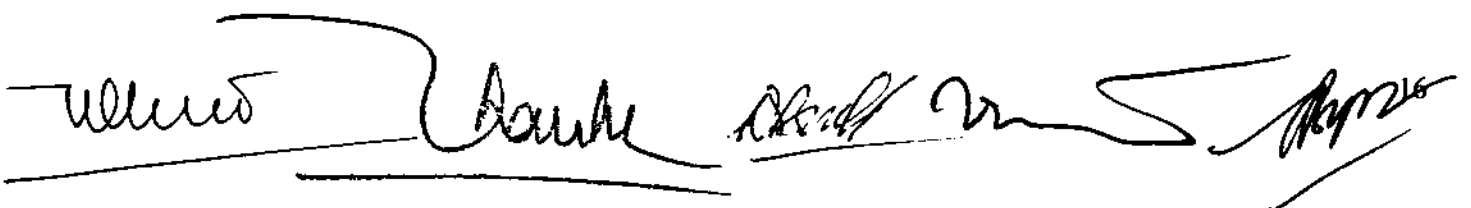
2. Việc uỷ quyền cho người đại diện dự họp Đại Hội đồng Cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a) Trường hợp Cổ đông cá nhân là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của Cổ đông đó và người được uỷ quyền dự họp;

b) Trường hợp người đại diện theo uỷ quyền của Cổ đông là tổ chức là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền, người đại diện theo pháp luật của Cổ đông và người được uỷ quyền dự họp;

c) Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Cổ đông và người được uỷ quyền dự họp.

Người được uỷ quyền dự họp Đại Hội đồng Cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền trước khi vào phòng họp.



3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người uỷ quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư uỷ quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư uỷ quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 20, phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

a) Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền;

c) Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên bốn mươi tám giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 21: Thay thế, thừa kế Cổ đông

1. Trường hợp Cổ đông pháp nhân được sáp nhập, hợp nhất thành pháp nhân mới hoặc được thừa kế quyền và nghĩa vụ của pháp nhân cũ thì Cổ đông pháp nhân mới phải gửi cho Công Ty các văn bản về sáp nhập, hợp nhất hoặc kế thừa.

2. Trường hợp Cổ đông pháp nhân giải thể thì cổ phần của Cổ đông này sẽ được ưu tiên Chuyển nhượng cho Công Ty hoặc các Cổ đông trong Công Ty tương ứng với tỷ lệ vốn góp của họ theo giá quy định của Hội đồng thanh lý tài sản. Trường hợp Công Ty và các Cổ đông trong Công ty không mua lại thì số cổ phần đó sẽ được xử lý theo quyết định của Hội đồng thanh lý tài sản. Tổ chức, cá nhân nhận cổ phần theo quyết định của Hội đồng thanh lý tài sản sẽ trở thành Cổ đông của Công Ty.

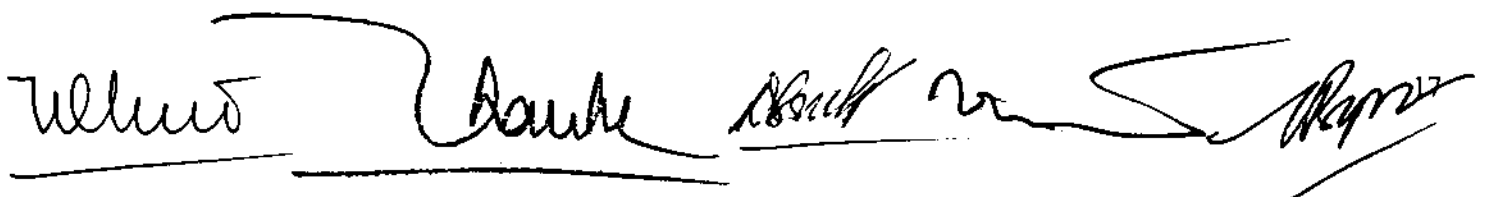
3. Trường hợp phát sinh việc thừa kế đối với số cổ phần của Cổ đông, Công Ty sẽ giải quyết Chuyển nhượng quyền sở hữu cho người thừa kế theo bản di chúc hợp pháp hoặc theo thoả thuận của các đồng thừa kế (nếu có) hoặc theo quyết định của Toà án đã có hiệu lực pháp luật.

CHƯƠNG IV

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH, KIỂM SOÁT HOẠT ĐỘNG

Điều 22 : Cơ cấu tổ chức, quản lý của công ty

1. Đại Hội đồng Cổ đông;
2. Hội đồng Quản trị;
3. Tổng Giám đốc và Bộ máy giúp việc;
4. Ban kiểm soát.



Điều 23: Đại Hội đồng Cổ đông

1. Đại Hội đồng Cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại Hội đồng Cổ đông họp thường niên hoặc họp bất thường, nhưng ít nhất một năm một lần.

2. Đại Hội đồng Cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính tại một địa điểm ở Việt Nam do Hội đồng Quản trị quy định, tùy từng thời điểm để quyết định những vấn đề được pháp luật và Điều lệ này quy định. Hội đồng Quản trị có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh gia hạn, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Hội đồng Quản trị phải triệu tập Đại Hội đồng Cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn Điều lệ đã bị mất một nửa;
- c) Khi số thành viên của Hội đồng Quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định;
- d) Cổ đông/nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng yêu cầu triệu tập đại hội bằng một văn bản kiến nghị nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan; và
- e) Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng Quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 119 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng Quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

f) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông bất thường

a) Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng Quản trị còn lại ít hơn số thành viên mà pháp luật quy định hoặc kể từ ngày nhận được yêu cầu của Cổ đông /nhóm cổ đông quy định tại điểm d mục 4 điều này hoặc theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

b) Nếu Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông theo quy định tại điểm a, mục 4 điều này thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty. Trong trường hợp này, Ban kiểm soát có quyền thay thế Hội đồng Quản trị và triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo.

c) Nếu Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông theo quy định tại điểm b, mục 4 điều này thì Trưởng Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty. Trong trường hợp này, cổ đông/ nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d, mục 3 điều này có quyền thay thế Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông có



thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và hành họp nếu xét thấy cần thiết.

d) Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại Hội đồng Cổ đông sẽ được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại Hội đồng Cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 24 : Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại Hội đồng Cổ đông

1. Đại Hội đồng Cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:

- a) Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm;
- b) Báo cáo của Ban kiểm soát;
- c) Báo cáo của Hội đồng Quản trị;
- d) Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

2. Đại Hội đồng Cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau:

- a) Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;
- b) Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng Quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại Hội đồng Cổ đông;
- c) Số lượng thành viên của Hội đồng Quản trị;
- d) Lựa chọn công ty kiểm toán;
- e) Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng Quản trị bổ nhiệm Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc điều hành;
- f) Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng Quản trị;
- g) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
- h) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;
- i) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- j) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- k) Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng Quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
- l) Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- m) Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;
- n) Việc Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc điều hành đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng Quản trị;









 19

o) Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 120.1 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

p) Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty;

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

a) Các hợp đồng quy định tại Điểm 2, Điều 24 Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

b) Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại Hội đồng Cổ đông.

Điều 25: Triệu tập Đại Hội đồng Cổ đông, chương trình họp và thông báo

1. Hội đồng Quản trị sẽ triệu tập Đại Hội đồng Cổ đông, hoặc Đại hội cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại mục 2, mục 3 của điều 23 của Điều lệ này.

2. Người triệu tập Đại Hội phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a) Chuẩn bị một danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội trong vòng ba mươi (30) ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại Hội đồng Cổ đông; chương trình họp và các tài liệu phù hợp với pháp luật và các quy định của Công ty;

b) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội;

c) Gửi thông báo mời họp bằng thư báo phát đến các cổ đông có quyền dự họp, thông báo mời họp phải theo mẫu thống nhất của Công ty.

3. Thông báo Đại Hội đồng Cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin hợp lý về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại đại hội. Thông báo về Đại Hội đồng Cổ đông có thể được gửi cho Cổ Đông bằng cách chuyển có báo phát tới địa chỉ đã đăng ký của Cổ Đông, hoặc tới địa chỉ do Cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Thông báo phải được gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày họp Đại Hội đồng Cổ đông, tính từ sau ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ (được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).

4. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu trên 10% vốn Điều lệ liên tục trong vòng sáu (06) tháng trở lên có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình Đại Hội đồng Cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày trước khi bắt đầu Đại Hội đồng Cổ đông. Đề xuất phải bao gồm tên Cổ Đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập Đại Hội đồng Cổ đông chỉ có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến mục 4, điều này nếu:

a) Đề xuất không được gửi đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

b) Vào thời điểm đề xuất, Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông không có đủ ít nhất 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục sáu tháng trở lên;



- c) Đề xuất không chứa đựng những thông tin cần thiết;
- d) Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại Hội đồng Cổ đông bàn bạc và thông qua các nghị quyết.

6. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.

7. Nếu tất cả Cổ Đông có quyền biểu quyết hiện diện trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền tham dự đại diện 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại Hội đồng Cổ đông thì những nghị quyết được Đại hội nhất trí (đạt 100%) thông qua đều là hợp lệ ngay cả khi Đại Hội đồng Cổ đông không được triệu tập một cách phù hợp hoặc nội dung họp không được đưa vào chương trình một cách hợp lý.

Điều 26: Các điều kiện tiến hành Đại Hội đồng Cổ đông

1. Đại Hội đồng Cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại Hội đồng Cổ đông lần thứ nhất. Đại Hội đồng Cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại Hội đồng Cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại Hội đồng Cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.

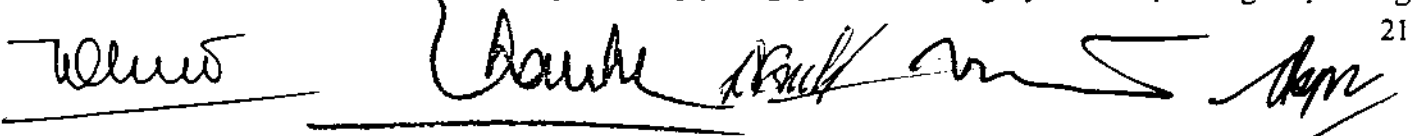
4. Theo đề nghị Chủ tọa Đại Hội đồng Cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại của Điều 25 của Điều lệ này.

Điều 27: Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại Hội đồng Cổ đông

1. Vào ngày tổ chức Đại Hội đồng Cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký Cổ Đông, Công ty sẽ cấp cho mỗi Cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, tên của Cổ Đông, tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của Cổ Đông đó. Việc biểu quyết tại Đại hội sẽ được tiến hành bằng cách thu số thẻ ủng hộ một nghị quyết trước, thu số thẻ phản đối nghị quyết đó sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối một vấn đề, hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được chủ tọa thông báo ngay sau khi việc biểu quyết được tiến hành.

3. Cổ Đông hoặc người được uỷ quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không được dừng



cuộc họp để những người đến muộn đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.

4. Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu của cuộc họp đại hội cổ đông được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng Quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng Quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp; trường hợp không có người có thể làm chủ tọa thì thành viên Hội đồng Quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển để Đại Hội đồng Cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông điều khiển để Đại Hội đồng Cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

b) Chủ tọa cử một người làm thư ký lập biên bản họp Đại Hội đồng Cổ đông;

c) Đại Hội đồng Cổ đông bầu ban kiểm phiếu không quá ba (03) người theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

5. Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại Hội đồng Cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất

6. Chủ tọa Đại Hội đồng Cổ đông có thể hoãn họp Đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do Chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của Đại Hội cổ đông nếu nhận thấy rằng:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

c) Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ. Ngoài ra, Chủ tịch Đại Hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại Hội đồng Cổ đông đã có số lượng đại biểu dự họp cần thiết.

Thời gian hoãn tối đa không quá ba (03) ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.

7. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại Hội đồng Cổ đông trái với quy định tại khoản này, Đại Hội đồng Cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.

8. Chủ tọa của đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại Hội đồng Cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.

9. Hội đồng Quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại Hội đồng Cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng Quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ

những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội đồng Quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trực xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia Đại hội.

10. Hội đồng Quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng Quản trị cho là thích hợp để:

- a) Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp Đại Hội đồng Cổ đông;
- b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;
- c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Hội đồng Quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng Quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

11. Trong trường hợp tại Đại Hội đồng Cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng Quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:

- a) Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội sẽ có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);
- b) Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

12. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của đại hội.

Hàng năm Công ty phải tổ chức Đại Hội đồng Cổ đông ít nhất một lần. Đại Hội đồng Cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 28: Thông qua quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông

1. Trừ các trường hợp quy định tại khoản 2 của Điều 28, các quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại Hội đồng Cổ đông.

- a) Thông qua báo cáo tài chính năm;
- b) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng Quản trị bổ nhiệm Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc điều hành.

2. Các quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, sáp nhập, tái tổ chức và giải thể Công ty, giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua do công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty tính theo sổ sách kế toán đã được kiểm toán gần nhất sẽ chỉ được thông qua khi có từ

75% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại Hội đồng Cổ đông.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

4. Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.

Điều 29: Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng Quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;

2. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của cổ đông được quyền tham dự Đại hội cổ đông.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của công ty;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

f) Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty;

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ;

5. Hội đồng Quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty.

Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e) Các quyết định đã được thông qua;
- f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng Quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông có quyền tham dự Đại hội cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu;

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty;

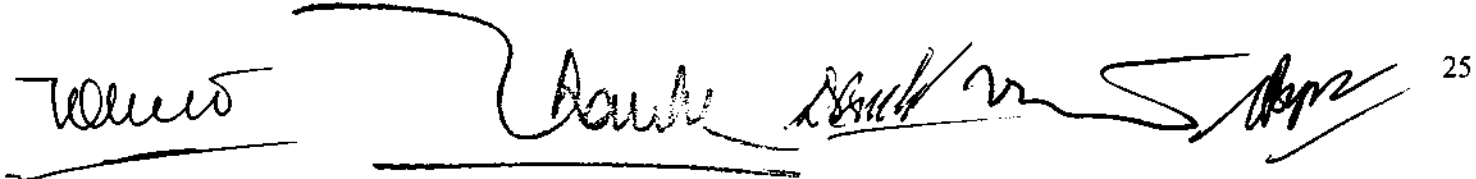
8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông.

Điều 30: Biên bản họp Đại Hội đồng Cổ đông

Người chủ trì Đại Hội đồng Cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại Hội đồng Cổ đông và gửi cho tất cả các cổ đông trong vòng (15) ngày khi Đại Hội đồng Cổ đông kết thúc. Biên bản Đại Hội đồng Cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại Hội đồng Cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký, và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản uỷ quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 31: Yêu cầu huỷ bỏ quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại Hội đồng Cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại Hội đồng Cổ đông, cổ đông, thành



viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông trong các trường hợp sau đây:

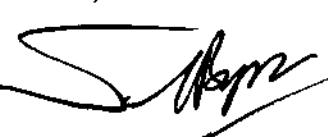
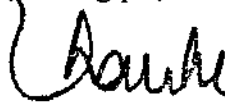
1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Điều lệ Công ty trừ trường hợp được quy định tại khoản 4 Điều 32 của Điều lệ này.
2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

Điều 32: Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại Hội đồng Cổ đông.

2. Hội đồng Quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

- a) Quyết định kế hoạch phát triển, kinh doanh trung hạn và ngân sách hàng năm của Công ty trên cơ sở định hướng phát triển đã được Đại hội cổ đông thông qua;
- b) Xác định các mục tiêu hoạt động và mục tiêu chiến lược trên cơ sở các mục đích chiến lược do Đại hội cổ đông thông qua;
- c) Bổ nhiệm và bãi nhiệm Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng, giám sát Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý quan trọng khác của Công ty;
- d) Quyết định cơ cấu tổ chức, ban hành quy chế quản lý nội bộ công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- e) Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
- f) Phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo một giá xác định;
- g) Quyết định giá bán trái phiếu, cổ phiếu và chứng khoán chuyển đổi;
- h) Các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
- i) Mua hoặc bán cổ phiếu của những Công ty khác được thành lập ở Việt Nam.
- j) Định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
- k) Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời, tổ chức việc chi trả cổ tức;
- l) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Điều 13 của Điều lệ này;
- m) Đề xuất việc cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty;
- n) Bất kỳ vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch nào khác mà Hội đồng Quản trị quyết định cần có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;



- o) Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;
 - p) Thực hiện các Nghị quyết của Đại hội cổ đông;
 - q) Các quyền khác theo quy định của pháp luật;
 - r) Quyết định phương án đầu tư, dự án đầu tư và bán tài sản có giá trị nhỏ hơn 50% tổng giá trị được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
 - s) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ hợp đồng và giao dịch quy định tại Điều 47 của Điều lệ này;
 - t) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc trong điều hành công việc kinh doanh của Công ty.
 - u) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại Hội đồng Cổ đông, triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại Hội đồng Cổ đông thông qua quyết định trừ những trường hợp mà Đại Hội đồng Cổ đông không phải do Hội đồng Quản trị triệu tập;
 - v) Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại Hội đồng Cổ đông thường niên;
3. Hội đồng Quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng Quản trị có một phiếu biểu quyết. Quyết định của Hội đồng Quản trị được thông qua theo nguyên tắc đa số.
4. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng Quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông. Trong trường hợp quyết định do Hội đồng Quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù khi phát sinh thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trong trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục trong thời hạn ít nhất một năm có quyền yêu cầu Hội đồng Quản trị đình chỉ thực hiện quyết định nói trên.
5. Hội đồng Quản trị được bố trí phòng làm việc tại trụ sở Công ty với các trang thiết bị tối thiểu để thực hiện công việc của mình. Mọi cá nhân/tổ chức có liên quan phải đảm bảo tạo điều kiện tốt nhất để thành viên Hội đồng Quản trị thực hiện chức năng của mình.
6. Hội đồng Quản trị thực hiện quyền quản lý điều hành của mình thông qua các hình thức sau:
- a) Các Nghị quyết, Quyết định, chỉ đạo, định hướng tại các cuộc họp định kỳ và bất thường;
 - b) Chấp thuận, đồng ý, thông qua bằng văn bản các đề xuất của Tổng Giám đốc;
 - c) Kiểm tra, giám sát của các thành viên Hội đồng Quản trị; và
 - d) Ban hành các quy chế quản lý.



Điều 33: Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng Quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị không ít hơn ba (3) thành viên và không quá năm (5) thành viên. Nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị là năm (5) năm; thành viên Hội đồng Quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Hội đồng Quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng Quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc.

3. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị.

4. Thành viên Hội đồng Quản trị không nhất thiết là cổ đông công ty

Điều 34: Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng Quản trị

Thành viên Hội đồng Quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

2. Có năng lực về quản lý kinh doanh;

3. Am hiểu về lĩnh vực kinh doanh khách sạn và du lịch;

4. Tham gia thường xuyên các cuộc họp của Hội đồng Quản trị;

5. Thành viên của Hội đồng Quản trị do các cổ đông sáng lập đề cử theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của từng cổ đông sáng lập. Các Cổ Đông sáng lập được quyền gộp tỷ lệ sở hữu cổ phần vào với nhau để bỏ phiếu đề cử các thành viên Hội đồng Quản trị.

Các cổ đông nắm giữ tối thiểu dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (6) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng Quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ đến 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (6) tháng được đề cử một (01) thành viên; từ trên 10% đến 30% được đề cử hai (2) thành viên; từ trên 30% đến 50% được đề cử 3 thành viên; từ trên 50 đến dưới 65% được đề cử bốn (4) thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

Điều 35: Chủ tịch, phó Chủ tịch, thành viên Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên của mình để bầu ra một (01) Chủ tịch Hội đồng Quản trị và một (01) Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải thường trú tại Việt Nam.

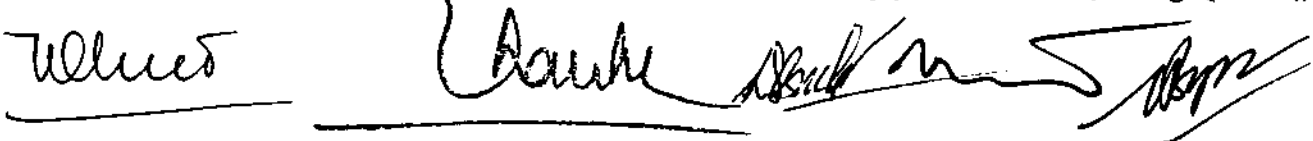
2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng Quản trị;

b) Chuẩn bị hoặc chỉ đạo việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng Quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng Quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng Quản trị;



e) Chủ tọa họp Đại Hội đồng Cổ đông trong các trường hợp do Hội đồng Quản trị triệu tập;

f) Có trách nhiệm thay mặt Hội đồng Quản trị ký các văn bản, quy định, thỏa thuận thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị và đã được Hội đồng Quản trị thông qua theo đúng quy định

g) Đề trình báo cáo tài chính thường niên, báo cáo về tình hình chung của Công ty, báo cáo kiểm toán của Kiểm toán viên và báo cáo kiểm tra của Hội đồng Quản trị lên các Cổ Đông tại Đại Hội đồng Cổ đông.

h) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

3. Phó Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ hành động với tư cách Chủ tịch nếu được Chủ tịch uỷ quyền nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng Quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Nếu Chủ tịch không chỉ định Phó Chủ tịch hành động như vậy thì các thành viên còn lại của Hội đồng Quản trị sẽ chỉ định Phó Chủ tịch. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì bất kỳ lý do nào đó thì Hội đồng Quản trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch.

4. Khi cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn vì bất cứ lý do nào thì Hội đồng Quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày và phải được báo cáo cho Đại Hội đồng Cổ đông tại cuộc họp gần nhất, trường hợp Đại Hội đồng Cổ đông không chấp thuận thành viên do Hội Đồng Quản Trị bầu thì Đại Hội đồng Cổ đông sẽ bầu ra một thành viên mới. Tuy nhiên các quyết định của Hội đồng Quản trị trước đó vẫn có hiệu lực.

Điều 36: Cuộc họp Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng Quản trị có thể họp tại trụ sở chính của Công ty hoặc ở nơi khác.

2. Chủ tịch triệu tập cuộc họp, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất bảy (7) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần.

3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị mà không được có bất kỳ sự trì hoãn bất hợp lý nào khi có một trong các trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Trưởng Ban kiểm soát;
- b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc
- c) Có đề nghị của ít nhất 2 thành viên Hội đồng Quản trị;

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị.

4. Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập



họp Hội đồng Quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng Quản trị triệu tập họp Hội đồng Quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng Quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất mười (10) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc không phải là thành viên Hội đồng Quản trị có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

Thông báo mời họp được gửi bằng buu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên có quyền dự họp nêu trên.

6. Cuộc họp Hội đồng Quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Thành viên Hội đồng Quản trị không được uỷ quyền cho người khác tham gia dự họp.

Thành viên Hội đồng Quản trị không dự họp vẫn có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản. Phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng Quản trị chậm nhất một giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

7. Hội đồng Quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Quyết định của Hội đồng Quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên biểu quyết chấp thuận; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người được Chủ tịch Hội đồng Quản trị uỷ quyền theo điều 20.

Điều 37: Biên bản họp Hội đồng Quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị phải được ghi vào sổ biên bản. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;

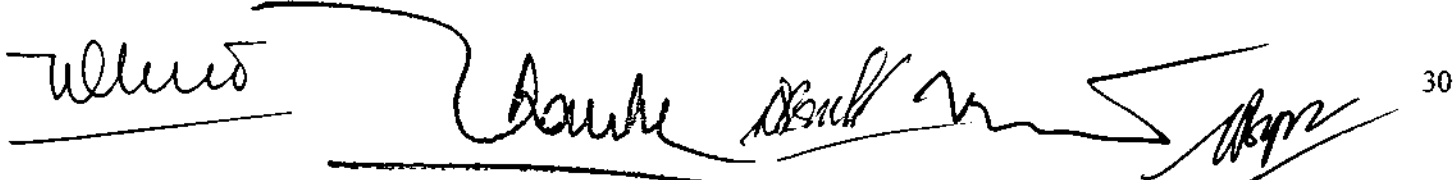
b) Mục đích, chương trình và nội dung họp;

c) Thời gian, địa điểm họp;

d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được uỷ quyền dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

e) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;



g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

h) Các quyết định đã được thông qua;

i) Họ, tên, chữ ký của tất cả thành viên hoặc đại diện theo uỷ quyền dự họp.

2. Chủ tọa và thư ký phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng Quản trị.

3. Biên bản họp Hội đồng Quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ chính của Công ty.

Điều 38: Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng Quản trị

1. Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc người quản lý các đơn vị trong công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng Quản trị.

Điều 39: Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị

1. Thành viên Hội đồng Quản trị sẽ bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại luật doanh nghiệp và quy định tại Điều lệ này;

b) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng Quản trị trong sáu (6) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Không tham dự 03 (ba) cuộc họp liên tiếp của Hội đồng Quản trị;

d) Có đơn xin từ chức và được Hội đồng Quản trị chấp thuận;


2. Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 1 điều này, thành viên Hội đồng Quản trị có thể bị miễn nhiệm bất cứ lúc nào theo quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông.

3. Trường hợp số thành viên Hội đồng Quản trị còn lại ít hơn 03 thành viên thì Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm còn ít hơn 03 thành viên để bầu bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị.

Trong các trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại Hội đồng Cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng Quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 40: Tổng Giám đốc và Bộ máy giúp việc

1. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty, là người điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của công ty do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm, chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình.



31

2. Tổng Giám đốc do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm từ một thành viên Hội đồng Quản trị hoặc một người khác ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng Giám đốc phải được báo cáo cho Đại Hội đồng Cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là năm (5) năm và có thể được tái bổ nhiệm.

3. Tổng Giám đốc là người có thẩm quyền cao nhất trong việc quản lý điều hành các hoạt động của Công ty có các quyền và nhiệm vụ sau:

a) Thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị và Đại hội cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng Quản trị và Đại Hội đồng Cổ đông thông qua; Ban hành các quy chế về quản lý nội bộ thuộc thẩm quyền của mình hoặc xây dựng các quy chế thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị để Hội đồng Quản trị thông qua;

b) Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có quyết định của Hội đồng Quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

c) Quyết định số lượng và các chức danh quản lý mà Công ty cần thuê khi cần thiết để thực hiện các thông lệ quản lý tốt nhất;

d) Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm;

e) Quyết định số lượng người làm công, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của người lao động; /

f) Vào ngày 30 tháng 11 hàng năm, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng Quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp;

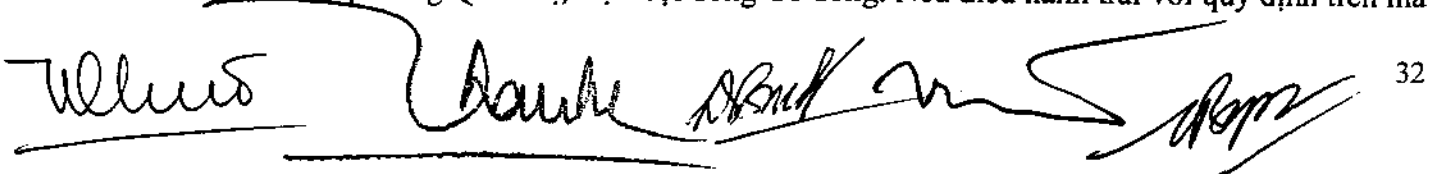
g) Thực hiện kế hoạch kinh doanh hàng năm do Đại Hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị thông qua;

h) Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty với Hội đồng Quản trị;

i) Thực hiện thường xuyên chế độ thông tin, báo cáo đối với Chủ tịch Hội đồng Quản trị, đề nghị Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập họp Hội đồng Quản trị để giải quyết những vấn đề vượt quá quyền hạn của Tổng Giám đốc;

j) Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này, các quy chế của công ty, các quy định của pháp luật và các điều khoản của hợp đồng lao động mà Tổng Giám đốc ký với Công ty.

4. Tổng Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, hợp đồng lao động ký với Công ty và quyết định của Hội đồng Quản trị, Đại Hội đồng Cổ đông. Nếu điều hành trái với quy định trên mà



gây thiệt hại cho Công ty thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.

5. Tổng Giám đốc có quyền từ chối thi hành hay bảo lưu ý kiến đối với quyết định của Hội đồng Quản trị mà khi thi hành quyết định này, theo Tổng Giám đốc là trái pháp luật và có thể gây thiệt hại cho Công ty, trong trường hợp này Tổng Giám đốc sẽ báo cáo ngay với Hội đồng Quản trị bằng văn bản, nếu Hội đồng Quản trị tiếp tục yêu cầu thực hiện thì Tổng Giám đốc phải thực hiện nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và không phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

6. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a. Có đủ năng lực pháp lý, có kiến thức, kinh nghiệm, sức khỏe, năng lực quản lý để điều hành Doanh nghiệp.

b. Không thuộc các trường hợp không được phép quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp

c. Không kiêm nhiệm bất cứ một chức vụ điều hành nào tại các tổ chức kinh tế khác.

7. Bộ máy giúp việc cho Tổng Giám đốc:

a) Bộ máy giúp việc của Tổng Giám đốc gồm các Phó Tổng Giám đốc, các Giám đốc chuyên trách và những chức danh quản lý khác. Bộ máy giúp việc này sẽ thực hiện các chức năng của mình với tư cách là người giúp việc cho Tổng Giám đốc, thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quyết định bổ nhiệm, hợp đồng lao động, quy chế nội bộ và các chỉ đạo trực tiếp từ Tổng Giám đốc.

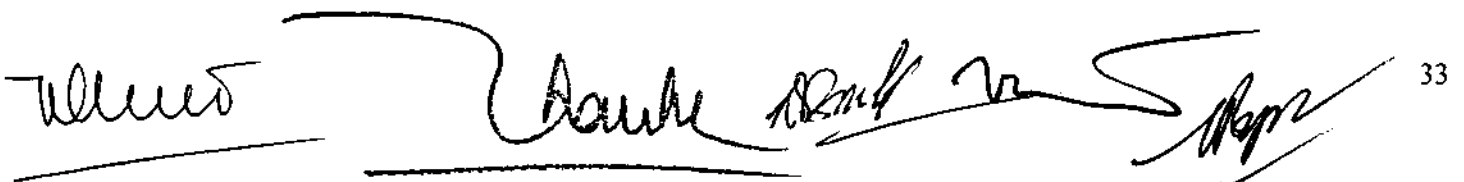
b) Phó Tổng Giám đốc do Tổng Giám đốc đề xuất để Hội đồng Quản trị quyết định bổ nhiệm để giúp việc cho Tổng Giám đốc. Trường hợp Tổng Giám đốc vắng mặt, Phó Tổng Giám đốc nếu được ủy quyền thay mặt Tổng Giám đốc điều hành Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc về công việc của mình. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Tổng Giám đốc giao.

c) Giám đốc chuyên trách: Tùy theo yêu cầu quản lý điều hành và hoạt động của Công Ty tại từng thời điểm, Tổng Giám đốc quyết định bổ nhiệm (các) Giám đốc chuyên trách khác và phân rõ nhiệm vụ của (các) Giám đốc chuyên trách trong quyết định bổ nhiệm và hợp đồng lao động.

Điều 41: Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc

1. Tùy thuộc vào kết quả và hiệu quả kinh doanh, Hội đồng Quản trị sẽ có quyết định mức thù lao, tiền lương và lợi ích khác cho thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc.

2. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc sẽ được tính vào chi phí kinh doanh theo quy



định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

3. Công ty sẽ thanh toán chi phí đi lại và ăn ở cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (nếu Tổng Giám đốc là uỷ viên Hội đồng Quản trị, hoặc được Hội đồng Quản trị mời) để tham dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị.

Điều 42: Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có ít nhất 03 (ba) đến 05 (năm) thành viên do Đại Hội đồng Cổ đông bầu ra, trong đó có một thành viên là kế toán. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là 5 năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Các thành viên bầu một trong số họ là Trưởng Ban kiểm soát. Số lượng Ban kiểm soát mỗi nhiệm kỳ có thể thay đổi theo quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông.

2. Trong trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

3. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 123 của luật doanh nghiệp 2005 và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

a) Được Hội đồng Quản trị tham khảo ý kiến về việc chi định Công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của Công ty kiểm toán độc lập;

b) Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;

c) Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài Công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của Công ty nếu thấy cần thiết;

d) Kiểm tra báo cáo tài chính hàng năm, sáu (6) tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng Quản trị;

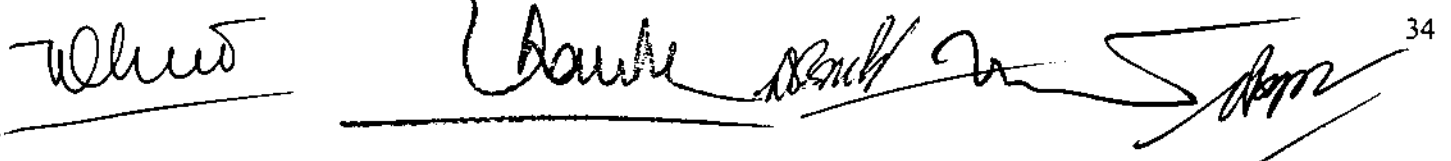
e) Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập bàn bạc;

f) Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý Công ty;

g) Xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận; và

h) Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.

4. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Công ty phải đảm bảo rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng Quản trị và bản sao các biên



34

bản họp Hội đồng Quản trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng Quản trị.

5. Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

- a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và hoạt động công ty với tư cách là Trưởng Ban kiểm soát;
- b. Yêu cầu Công ty cung cấp thông tin liên quan để báo cáo các thành viên Ban kiểm soát; và
- c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị để trình lên Đại Hội đồng Cổ đông.

Điều 43: Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- b) Không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác.

2. Thành viên Ban kiểm soát không được giữ các chức vụ quản lý trong Công ty. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty.

3. Cổ đông và nhóm cổ đông sở hữu 10% số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (6) tháng có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát.

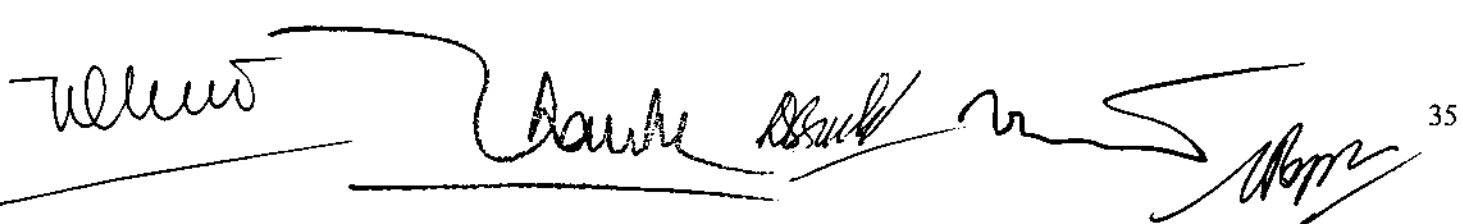
Điều 44: Thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả thù lao theo công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông. Đại Hội đồng Cổ đông quyết định tổng mức thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát căn cứ vào số ngày làm việc dự tính, số lượng và tính chất của công việc và mức thù lao bình quân hằng ngày của thành viên;

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại Hội đồng Cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại Hội đồng Cổ đông có quyết định khác;

3. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.



Điều 45: Nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty và cổ đông của công ty.
3. Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông công ty; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty.
5. Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho công ty hoặc người khác thì các thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó.

Mọi thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 3 Điều này đều thuộc sở hữu của công ty.

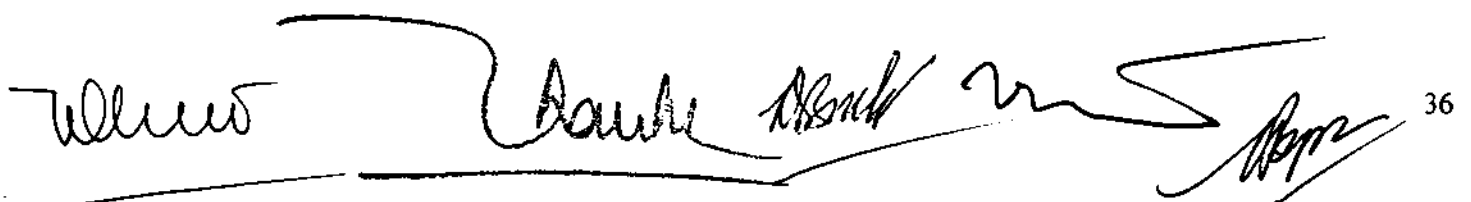
6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm nghĩa vụ trong thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao thì Hội đồng Quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Điều 46: Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát sẽ bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a) Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 43 của Điều lệ này;
 - b) Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo gửi đến trụ sở chính cho Công ty;
 - c) Thành viên đó vắng mặt liên tục trong vòng sáu (6) tháng không tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát trong thời gian đó mà không được phép của Ban kiểm soát và Ban kiểm soát Quyết nghị rằng vị trí của người đó bị bỏ trống.
2. Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát có thể bị miễn nhiệm bất cứ khi nào theo quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông
3. Trường hợp Ban kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho Công ty thì Hội đồng Quản trị triệu tập Đại Hội đồng Cổ đông để xem xét và miễn nhiệm Ban kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban kiểm soát mới thay thế.

Điều 47: Nguyên tắc về quản lý hợp đồng:

Hội đồng Quản trị ban hành hoặc thông qua Quy chế về quản lý Hợp đồng căn cứ vào đặc thù của thị trường tại từng thời điểm và những đặc thù của Công Ty, nhưng phải đảm bảo nguyên tắc sau:



Handwritten signatures of several individuals, likely members of the Board of Directors or the Board of Supervisors, are present at the bottom of the page.

1. Nguyên tắc công bố thông tin:

a) Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý của Công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với Công ty, bao gồm:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên 35% vốn Điều lệ.

b) Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn bảy (7) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được khai báo với Công ty trong thời hạn bảy (7) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

c) Việc kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này phải được thông báo cho Đại Hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên và được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty. Cổ đông, đại diện theo uỷ quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc có quyền xem xét nội dung kê khai bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết.

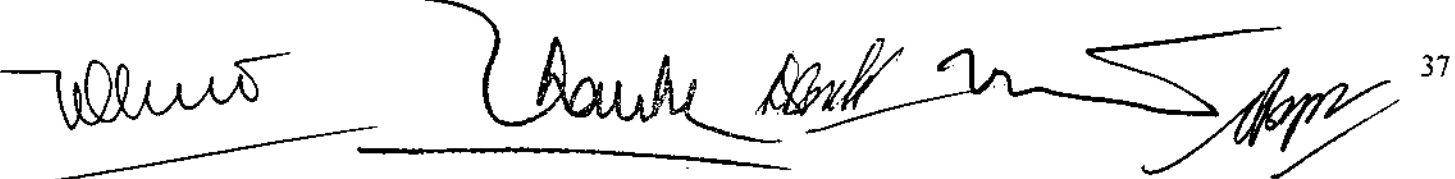
d) Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của công ty đều phải giải trình tính chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng Quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng Quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về công ty.

2. Nguyên tắc trung thực và các xung đột về quyền lợi

a) Thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty để ký kết hợp đồng vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

b) Thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng Quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng nêu trên chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội đồng Quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.

c) Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý và gia đình của họ hoặc pháp nhân



mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại Hội đồng Cổ đông có quyết định khác

3. Các Hợp đồng giao dịch :

a) Các hợp đồng giao dịch phải được Đại Hội đồng Cổ đông chấp thuận:

Các Hợp đồng, giao dịch của Công ty với Cổ Đông sở hữu trên 10% vốn Điều lệ có quyền biểu quyết, thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người có liên quan của họ mà có giá trị lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ sách kế toán của Công Ty. Trong trường hợp này, Cổ Đông liên quan hoặc Cổ Đông có người liên quan không có quyền biểu quyết; hoặc

Các hợp đồng, giao dịch có giá trị lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong sổ sách kế toán gần nhất của Công Ty.

b) Các hợp đồng giao dịch phải được Hội đồng Quản trị chấp thuận:

Các Hợp đồng, giao dịch của Công Ty với Cổ Đông sở hữu đến 10% vốn Điều lệ có quyền biểu quyết; thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người có liên quan của họ mà có giá trị đến 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ sách kế toán của Công Ty. Trong trường hợp này, thành viên liên quan hoặc thành viên có người liên quan không có quyền biểu quyết; hoặc

Các hợp đồng, giao dịch có giá trị lớn hơn 20% và nhỏ hơn hoặc bằng 50% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong sổ sách kế toán gần nhất của Công Ty.

Trong trường hợp này, người đại diện theo pháp luật phải gửi đến các thành viên Hội đồng Quản trị; niêm yết tại trụ sở chính, chi nhánh của công ty dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng Quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày niêm yết.

c) Các hợp đồng do Tổng Giám đốc quyết định

Các Hợp đồng khác không thuộc thẩm quyền thông qua của Đại Hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị sẽ do Tổng Giám đốc quyết định.

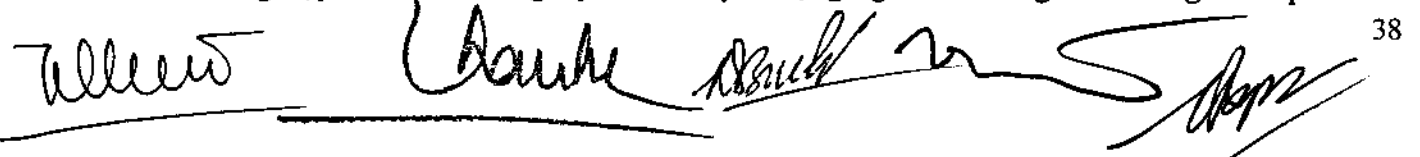
4. Nguyên tắc về thiệt hại và bồi thường

Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

Điều 48 : Quản lý lao động

Tổng Giám đốc lên kế hoạch nhân sự cho công ty trình Hội đồng Quản trị thông qua làm cơ sở cho việc quản lý lao động trong nội bộ công ty nhưng phải đảm bảo các nguyên tắc sau :

1. Việc tuyển dụng và sử dụng lao động phải tuân theo pháp luật Việt Nam về lao động. Công dân Việt Nam được ưu tiên khi tuyển chọn nếu đáp ứng các yêu cầu công việc. Trường hợp cần thiết, Công Ty có thể tuyển dụng người nước ngoài và từng bước phải đào



tạo người Việt Nam đảm nhiệm các vị trí của người nước ngoài nhằm thay thế các nhân viên người nước ngoài. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm tuyển chọn nhân viên trên cơ sở định biên lao động đã được Hội đồng Quản trị phê duyệt hàng năm;

2. Người lao động được tuyển dụng vào Công Ty được ký kết Hợp đồng lao động. Việc ký kết Hợp đồng lao động phải tuân thủ quy định của Pháp luật Việt Nam;

3. Việc xử lý lao động trong công ty phải tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam;

4. Các chính sách chung liên quan đến lương của người lao động trong công ty sẽ do Tổng Giám đốc xem xét theo năng lực của họ và phải tuân thủ quy định của Pháp luật Việt Nam.

5. Khen thưởng các tổ chức, cá nhân có nhiều thành tích xuất sắc trong việc xây dựng phát triển Công ty.

6. Xử lý, kỷ luật các tổ chức cá nhân vi phạm gây thiệt hại đến lợi ích.

CHƯƠNG V

TÀI SẢN VÀ TÀI CHÍNH

Điều 49: Các loại thuế :

Công ty sẽ trả các loại thuế theo mức thuế và giới hạn thời gian quy định theo quy định của pháp luật Việt Nam. Trong trường hợp những quy định mới được ban hành thuận lợi hơn đối với Công ty so với quy định hiện hành, Công ty sẽ kiến nghị để được hưởng những quy định hoặc những sửa đổi mới đó.

Những người làm việc trong Công ty thuộc đối tượng nộp thuế thu nhập cá nhân sẽ phải nộp thuế thu nhập cá nhân theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 50: Các vấn đề kế toán

1. Hệ thống kế toán tài chính của Công ty phải phù hợp với các quy định kế toán của Việt Nam. Hệ thống kế toán thống nhất sẽ được sử dụng trong hoạt động của Công ty. Tất cả các biên lai, hoá đơn, các bản kê và các bản báo cáo và những sổ sách kế toán sẽ được viết bằng tiếng Việt.

2. Việc khấu hao tài sản được thực hiện theo chính sách do Hội đồng Quản trị thông qua, phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam và có thể được thay đổi trong từng thời kỳ.

Điều 51: Hoạt động tài chính và kế toán

1. Tài khoản ngoại tệ và tiền Đồng.

Công ty sẽ mở các tài khoản tiền Đồng và ngoại tệ tại các ngân hàng thương mại của Việt Nam và/hoặc các ngân hàng liên doanh nước ngoài hoặc các chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam.

Theo sự chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Công ty có thể mở tài khoản tại ngân hàng nước ngoài nếu cần thiết.

2. Tiền tệ dùng làm đơn vị hạch toán kế toán : Đồng Việt Nam sẽ được dùng làm đơn vị kế toán của Công Ty .

3. Hệ thống và Thủ tục Kế Toán :

a) Kế Toán Trưởng (Trưởng Phòng Kế toán) của Công Ty sẽ do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm và chịu sự lãnh đạo của Tổng Giám đốc. Kế toán trưởng sẽ chịu trách nhiệm về quản lý tài chính của Công Ty.

b) Tổng Giám đốc và Kế Toán Trưởng (Trưởng Phòng Kế toán) sẽ chuẩn bị hệ thống kế toán, sổ sách kế toán, những chứng từ và thủ tục kế toán của Công ty phù hợp với hệ thống kế toán của Việt Nam hoặc hệ thống và các nguyên tắc kế toán quốc tế thông dụng khác được Bộ Tài Chính chấp thuận và đảm bảo rằng những sổ sách và chứng từ này phản ánh chính xác, trung thực các giao dịch và tình hình sử dụng tài sản của Công ty. Hệ thống và các thủ tục kế toán do Công ty lựa chọn, sau khi đã được Hội Đồng Cổ Đông thông qua, sẽ được trình lên Bộ Tài Chính để chấp thuận. Khi đã được Bộ Tài chính chấp thuận, hệ thống và các thủ tục kế toán sẽ được trình và đăng ký với các cơ quan tài chính và thuế địa phương;

c) Kế Toán Trưởng sẽ chuẩn bị báo cáo tài chính hàng quý và hàng năm bao gồm bảng cân đối kế toán, báo cáo lỗ/ lãi, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, các báo cáo về hoạt động kinh doanh của Công Ty, và trình các bản sao của các báo cáo đó lên các thành viên Hội đồng Quản trị và các Cổ Đông;

d) Những báo cáo tài chính phải được trình nộp hàng năm lên cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam hàng năm trên cơ sở việc kiểm toán sẽ được thực hiện bởi một công ty kiểm toán độc lập có giấy phép hoạt động tại Việt Nam và do Hội đồng Quản trị lựa chọn;

e) Mọi chứng từ kế toán và hóa đơn, sổ sách và báo cáo của Công ty sẽ được lập và lưu giữ bằng tiếng Việt. Tất cả các chứng từ và báo cáo tài chính và kế toán quan trọng phải được Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và/hoặc những người được Hội đồng Quản trị ủy quyền phê chuẩn và ký;

f) Công ty sẽ duy trì hệ thống kiểm tra kế toán nội bộ để có thể đảm bảo một cách hợp lý rằng:

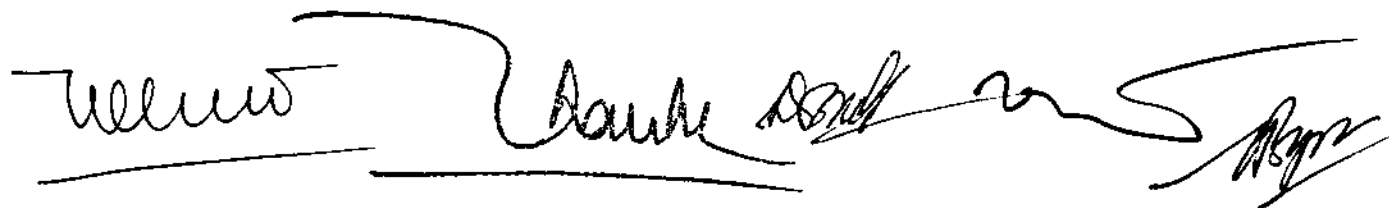
- Toàn bộ các giao dịch được thực hiện theo sự ủy quyền của Hội Đồng Cổ Đông khi có yêu cầu về sự ủy quyền đó;

- Toàn bộ các giao dịch được ghi chép để chuẩn bị báo cáo tài chính phù hợp với nguyên tắc kế toán chung được chấp nhận ở Việt Nam; và

- Mọi giao dịch được ghi chép theo cách thức có thể kết toán được đối với tài sản có và tài sản nợ.

4. Kiểm toán :

a) Một công ty kiểm toán độc lập đã đăng ký hoạt động ở Việt Nam sẽ được Công ty lựa chọn để kiểm tra các khoản thu, chi tài chính và sổ sách kế toán, kể cả các kết toán hàng năm theo quyết định của Đại Hội Cổ Đông tại cuộc họp thường niên.



b) Hội đồng Quản trị sẽ kiểm tra công việc và chi phí cho công ty kiểm toán hàng năm và tùy thuộc vào việc kiểm tra đó sẽ gia hạn thêm hợp đồng với công ty kiểm toán hoặc sẽ chỉ định (những) công ty kiểm toán mới.

5. Năm tài chính :

Công ty sẽ ấn định năm dương lịch (từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12) là năm tài chính của Công ty, ngoại trừ năm tài chính đầu tiên của Công ty bắt đầu từ ngày được Cấp Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Kinh Doanh và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của năm đó và năm tài chính cuối cùng của Công Ty sẽ bắt đầu vào ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày giải thể của Công Ty.

Điều 52: Trích lập các quỹ sau thuế

Công ty sẽ sử dụng một phần lợi nhuận để thành lập quỹ dự phòng và các quỹ khác mà pháp luật yêu cầu. Tỷ lệ trích lập các quỹ này sẽ do Hội Đồng Cổ Đông quyết định trên cơ sở đề xuất của Tổng Giám đốc và phải tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

Điều 53: Tài sản của công ty

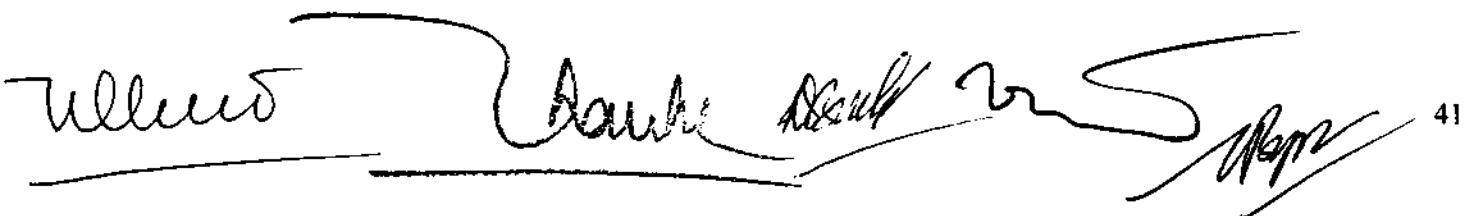
1. Tài sản của Công ty gồm các tài sản cố định và tài sản lưu động dưới hình thức hữu hình hoặc vô hình thuộc sở hữu của Công ty, không ai có quyền coi các tài sản đó là sở hữu riêng của mình kể cả những tài sản mà họ đã góp vốn Công ty. Bao gồm nhưng không giới hạn ở những loại sau:

- a) Vốn Điều lệ ;
- b) Vốn vay ;
- c) Các loại quỹ ;
- d) Tài sản cố định ;
- e) Quyền sở hữu trí tuệ ; và
- f) Các loại tài sản khác thuộc sở hữu Công ty theo quy định của pháp luật

2. Việc sử dụng tài sản của Công ty phải phù hợp với mục đích hoạt động của Công ty, nghiêm cấm việc sử dụng tài sản của Công ty cho các mục đích tư lợi, không vì lợi ích Công ty.

3. Công ty sẽ mua các loại bảo hiểm tài sản của Công ty bảo hiểm Việt Nam hoặc Công ty Bảo Hiểm nước ngoài tại Việt Nam. Các loại giá trị và thời gian Bảo hiểm sẽ do Tổng Giám đốc đề nghị và Hội đồng Quản trị quyết định phù hợp với tập quán các ngành kinh doanh tương tự ở các nước khác và tập quán ở Việt Nam, tuân thủ pháp luật Việt Nam.

4. Để tạo vốn cho hoạt của công ty, Hội đồng Quản trị có quyền quyết định phát hành các loại trái phiếu hoặc đi vay các tổ chức tín dụng, từ các tổ chức cá nhân khác, nhưng không được vượt quá 50% tổng giá trị tài sản ghi trong sổ sách kế toán gần nhất của Công ty. Trình tự thủ tục liên quan tới việc phát hành trái phiếu hoặc đi vay phải tuân thủ các quy định pháp luật tại từng thời điểm .



41

Điều 54: Báo cáo thường niên, trách nhiệm công bố thông tin :

1. Công Ty sẽ phải chuẩn bị một bản báo cáo kế toán hàng năm theo quy định của Pháp luật và trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại Hội đồng Cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền và cơ quan đăng ký kinh doanh.

2. Báo cáo kế toán hàng năm phải bao gồm một Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và một Bản cân đối kế toán cho thấy được một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo.

3. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng: các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo những quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (nếu có) và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và Phòng đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp.

CHƯƠNG VI

TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ VÀ THANH LÝ

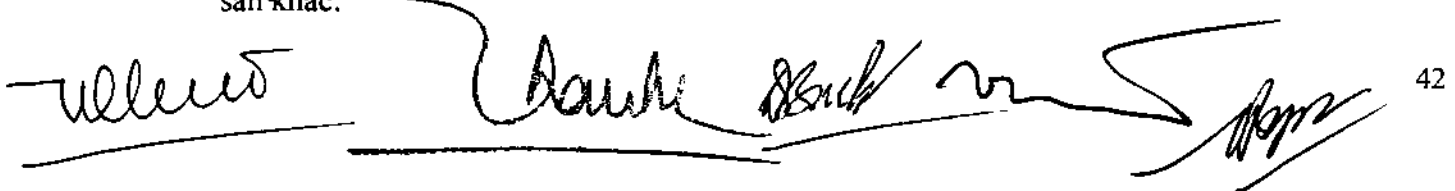
Điều 55: Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi hình thức công ty

1. Trong quá trình hoạt động, để phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh, Công Ty có thể chia, tách, sáp nhập, hợp nhất hoặc chuyển đổi hình thức Công ty. Việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi hình thức Công ty phải được Đại Hội đồng Cổ đông xem xét và quyết định.

2. Việc sáp nhập, chia, tách, hợp nhất hay chuyển đổi hình thức Công ty phải được tiến hành theo quy định của pháp luật.

Điều 56: Giải thể công ty

1. Các cổ đông thống nhất giải thể công ty;
2. Cơ quan trọng tài hoặc toà án hoặc một cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam tuyên bố chấm dứt hoạt động của Công ty;
3. Thời hạn hoạt động của Dự Án Đầu Tư chấm dứt mà không được gia hạn và Công Ty không thực hiện bất kỳ một dự án nào khác.
4. Công ty bị thu hồi Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Kinh Doanh;
5. Nếu Công ty lâm vào tình trạng phá sản, hoặc là đối tượng của các tiến trình thanh lý hoặc giải thể, hoặc ngừng thực hiện công việc kinh doanh hoặc lâm vào tình trạng không thể thanh toán được các khoản nợ đến hạn của mình;
6. Nếu toàn bộ hoặc bất kỳ một phần tài sản quan trọng nào của Công ty bị trưng thu bởi bất kỳ cơ quan nhà nước nào;
7. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật Việt Nam.
8. Công Ty chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.



Điều 57 : Thanh lý

1. Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày thông qua, quyết định giải thể phải được gửi đến cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, tất cả các chủ nợ, người có quyền, nghĩa vụ và lợi ích liên quan, người lao động trong Công ty và phải được niêm yết công khai tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty (nếu có).

2. Chậm nhất mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại Hội đồng Cổ đông có quyết định về việc giải thể Công ty theo các căn cứ nêu tại Điều 56 trên đây, Công ty sẽ chỉ định một Ban thanh lý và tiến hành các thủ tục thanh lý tài sản của Công ty theo luật pháp. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được tuyển chọn trong số các nhân viên của Công ty hoặc các chuyên gia ngoài Công ty. Ban thanh lý đại diện cho Công ty trước Tòa án và các tổ chức hành chính về tất cả các vấn đề có liên quan đến thanh lý. Thời gian hoạt động của Ban thanh lý không quá mười hai (12) tháng kể từ ngày thành lập. Khi hết thời hạn, nếu việc thanh lý chưa kết thúc, Ban thanh lý vẫn chấm dứt hoạt động. Trong trường hợp đó, các Cổ Đông tự giải quyết các vấn đề chưa được xử lý. Trường hợp có tranh chấp thì việc xử lý tranh chấp được thực hiện theo quy định tại Điều lệ này.

Giá trị còn lại thực tế của Công ty sẽ được định giá thông qua một Công ty định giá bất động sản quốc tế hoặc Việt Nam được nhất trí chỉ định bởi các Cổ Đông.

Sau khi hoàn trả hết nợ, tài sản còn lại của Công ty bao gồm các quỹ còn lại trong tài khoản khấu hao, quỹ dự phòng và các quỹ khác của Công ty sẽ được chia cho các Cổ Đông theo tỷ lệ sở hữu Vốn Điều lệ của họ

3. Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày thanh toán hết các khoản nợ của Công Ty, Tổng Giám đốc phải gửi hồ sơ giải thể doanh nghiệp đến cơ quan có thẩm quyền.

CHƯƠNG VII: BẤT KHẢ KHÁNG

Điều 58: Bất khả kháng

1. Sự kiện bất khả kháng có nghĩa là bất kỳ hành vi nào, sự kiện nào nằm ngoài tầm kiểm soát hợp lý của bên có liên quan, bao gồm nhưng không giới hạn

a) Các hiểm họa đường biển, tai nạn hàng hải, chiến tranh, hành động phá hoại, bạo loạn, nổi dậy, bạo động vũ trang, tình trạng khẩn cấp, tình trạng thiết quân luật, hoả hoạn, lũ lụt, lốc, động đất, lở đất, bão hoặc các điều kiện thời tiết bất lợi khác, cháy nổ, thiếu điện, đình công hoặc các khó khăn nhân sự khác (có liên quan hoặc không liên quan đến nhân sự của bên liên quan), bệnh dịch, sự kiểm dịch, phóng xạ, sự ô nhiễm phóng xạ;

b) Hành động hay không hành động của bất kỳ chính phủ hay cơ quan nhà nước có thẩm quyền nào (bao gồm cả bất kỳ toà án có thẩm quyền nào), bao gồm sự chiếm đoạt, hạn chế, cấm đoán, trưng thu, trưng dụng, yêu cầu, chỉ thị hay cấm vận bằng pháp luật, quy định, nghị định hay bất kỳ lệnh có tính bắt buộc hợp pháp nào khác;

c) Hồng hóc máy móc, thiết bị hoặc thiếu hụt nhân công, vận chuyển, nhiên liệu, điện hoặc máy móc thiết bị, nguyên vật liệu hoặc bất kỳ các thảm họa không thể biết trước xảy ra ngoài tầm kiểm soát của tổ chức cá nhân thuộc sự điều chỉnh của Điều lệ này.

2. Trong trường hợp bất khả kháng, tổ chức, cá nhân có liên quan sẽ không phải chịu trách nhiệm về các cam kết của mình trong Điều lệ này nếu:

a) Sự kiện bất khả kháng là nguyên nhân gây ra sự cản trở hoặc làm chậm việc thực hiện quyền, nghĩa vụ theo Điều lệ này;

b) Tổ chức, cá nhân đó đã áp dụng tất cả các biện pháp có thể để khắc phục sự kiện bất khả kháng đó;

c) Tổ chức, cá nhân đó ngay lập tức sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng thông báo cho người có thẩm quyền bằng văn bản, trong thời hạn bảy (07) ngày, về các sự kiện bất khả kháng đã ngăn cản việc thực hiện hợp đồng, các biện pháp đã áp dụng có xác nhận của các cơ quan có liên quan tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng đó.

3. Trong trường hợp xảy ra các sự kiện bất khả kháng như nêu tại khoản 1 Điều 58 trên đây, tổ chức, cá nhân liên quan sẽ có trách nhiệm áp dụng các biện pháp thích hợp nhằm ngăn chặn hoặc hạn chế các hậu quả có thể phát sinh và sẽ không phải chịu trách nhiệm về những cam kết của mình nếu như sau khi tất cả các biện pháp phòng ngừa đã được áp dụng nhưng vẫn không ngăn chặn hoặc hạn chế được các hậu quả phát sinh.

CHƯƠNG VIII : GIỮ BÍ MẬT

Điều 59: Giữ bí mật

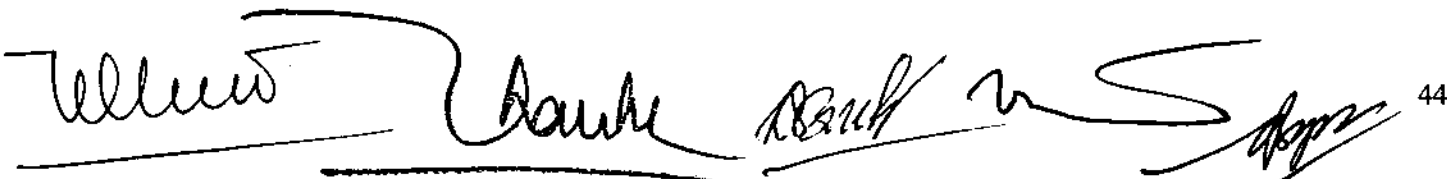
1. Các nghĩa vụ chung: Vào từng thời điểm, trước và trong suốt quá trình hoạt động của Công ty mỗi Cổ Đông đã tiết lộ hoặc có thể tiết lộ cho Cổ Đông kia các thông tin mật và thuộc sở hữu riêng. Ngoài ra, các Cổ Đông có thể, tùy từng thời điểm một trong suốt quá trình hoạt động của Công ty, thu thập được các thông tin mật và thuộc sở hữu riêng của Công ty, liên quan đến hoạt động của Công ty. Trừ khi được quy định khác đi trong bất kỳ bản thoả thuận nào giữa Công ty và một Cổ Đông hoặc giữa các Cổ Đông hoặc vì mục đích đệ trình bất kỳ bản thoả thuận nào nói trên lên cơ quan nhà nước hữu quan để xin sự chuẩn y cần thiết, Cổ Đông nhận các thông tin đó, hoặc trong quá trình hoạt động của Công Ty và năm (05) năm sau khi Công Ty bị giải thể hoặc cho đến khi công chúng biết được các thông tin nói trên, tùy thuộc vào trường hợp nào mà thời gian ngắn hơn, phải:

a) Giữ bí mật các thông tin đó ;

b) Không tiết lộ các thông tin đó cho bất kỳ người hoặc pháp nhân nào, ngoại trừ là tiết lộ cho các cán bộ, giám đốc, nhân viên , những nhân viên này phải là những người cần phải biết các thông tin đó để họ thực hiện các trách nhiệm của mình vì mục tiêu của Công Ty của bất cứ Cổ Đông nào ;

c) Không sử dụng các thông tin nói trên ngoại trừ vì lợi ích của Công ty;

2. Khuyến cáo thêm: Mỗi Cổ Đông phải khuyến cáo các giám đốc, nhân viên cao cấp và các nhân viên khác có nhận các thông tin nói trên về sự tồn tại của các nghĩa vụ giữ bí mật như nêu ở trên và tầm quan trọng của việc chấp hành các nghĩa vụ đó.



44

CHƯƠNG IX: ĐIỀU KHOẢN KHÁC

Điều 60 : Sửa đổi

Bất cứ sửa đổi nào của Điều lệ này sẽ chỉ có hiệu lực sau khi được Đại Hội đồng Cổ đông thông qua bằng một nghị quyết dưới dạng văn bản một cách hợp lệ.

Điều 61: Giải quyết tranh chấp

Bất cứ tranh chấp nào nảy sinh trong quá trình thực hiện Điều lệ sẽ được giải quyết trên cơ sở thương lượng, hoà giải, trường hợp không thể giải quyết được thông qua thương lượng hoà giải các bên có liên quan sẽ khởi kiện ra cơ quan có thẩm quyền để giải quyết.

Điều 62: Hiệu lực

1. Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày được Đại Hội đồng Cổ đông thông qua là ngày 26 tháng 12 năm 2012 và thay thế Điều lệ ngày 13 tháng 09 năm 2010 của Công Ty.
2. Điều lệ này được lập thành sáu (06) bản bằng Tiếng Việt. Mỗi Cổ Đông giữ một (01) bản, một (01) bản lưu tại Công ty, một (01) bản nộp lên Cơ quan có thẩm quyền.
3. Các bản sao Điều lệ chỉ có giá trị khi được Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Tổng giám đốc Công ty ký xác nhận và đóng dấu Công Ty.

Điều lệ này được đại diện có thẩm quyền của các cổ đông ký tại Hà Nội.

CHỮ KÝ CỦA ĐẠI DIỆN CÁC CỔ ĐÔNG

NGUYỄN THANH SƠN.....

TRẦN HUY TRUNG.....

ĐẶNG ĐÌNH BÌNH.....

TRẦN THỊ BẠCH YẾN.....

ĐẶNG TÔ LOAN.....



SAO Y BẢN CHÍNH
TP. Hà Nội

Lê Thị Lệ Nga